

Nhóm Bí Thư Giám, Cự Lộc Nam thân Ngụy Trung vâng
lệnh vua Đường Thái Tông cùng biên soạn

**PHƯƠNG SÁCH TRỊ NƯỚC CỦA NGƯỜI XƯA
QUẦN THƯ TRỊ YẾU 2
(Tập 2)**

Chuyển ngữ:

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

QUẢN THƯ TRỊ YẾU

QUYỂN 3

*Nhóm Bí Thư Giám, Cự Lộc Nam thần Ngụy Trưng
vâng lệnh vua Đường Thái Tông cùng biên soạn*

MAO THI (Kinh Thi)

CHU NAM

Thiên sách “Quan thư” trong Kinh Thi, nói về đạo đức của các bà hậu phi. “Phong” bắt đầu từ đạo vợ chồng chân chính, để mọi người trong thiên hạ bắt chước, từ người nông thôn đến toàn thể mọi người trong cả nước. “Phong” tức “phúng”, tức là giáo (dạy dỗ), phong dùng đánh động, giáo dùng để giáo hóa. Thơ (Thi) nói lên cái chí, chí tại tâm, thành lời là thơ, tình cảm nung nấu trong người, biểu lộ ra ngoài là lời nói, lời nói cũng chưa thỏa, nên than thở, than thở cũng chưa thỏa, nên vịnh ca, vịnh ca chưa đủ thì tay múa chân đập. Tình cảm thốt ra tiếng, tiếng thành văn gọi là âm. Thời yên bình, xã hội an vui thì âm nhạc hòa. Thời loạn lạc, chính trị sai quấy thì âm nhạc phần nộ. Nước mất nhân dân khốn khổ thì âm nhạc ai oán, buồn thảm. Thế cho nên, làm rõ được mất, động đến trời đất, cảm được quỷ thần, không gì bằng “Thi”. Các bậc tiên vương coi trọng đạo vợ chồng, con cháu hiếu kính ông bà cha mẹ, làm giàu nhân luân, cho là giáo hóa tốt, thành phong thành tục.

“Thi” có 6 nghĩa: Một là Phong, hai là Phú, ba là Tỉ, bốn là Hứng, năm là Nhã, sáu là Tụng. Trên

dùng Phong để giáo hóa dưới, dưới dùng Phong để hạn chế trên. Người nói ra vô tội, người nghe đủ tự răn mình, nên gọi là Phong. Lấy việc của một nước, liên tưởng đến cái gốc của con người, gọi là Phong. Lấy chuyện của thiên hạ hình dung phong cách của con người tứ phương, gọi là Nhã. Nhã, nghĩa là chính đáng, là nói vương chính phé hưng do từ đó. Chính có nhỏ có lớn, nên có Tiểu nhã, có Đại nhã. Tụng, nghĩa là hình dung của thịnh đức tốt đẹp, lấy thành công của nó, báo cáo với thần minh. Phong, Tiểu nhã, Đại nhã, Tụng gọi là bốn nguồn gốc (tứ thủy), là ý nghĩa nguồn gốc vương đạo hưng suy của Thi. Đến khi vương đạo suy, lễ nghĩa bị phé, chính giáo đã mất, chính sách đổi khác, tục lệ mới lạ, mà làm cho Biến Phong, Biến Nhã. Thiên sách Chu Nam, Thiệu Nam, đạo chính gốc mới, nền móng của vương hóa. Dùng thiên thơ Quan Thư vui mừng thực nữ lấy được người quân tử, lo việc tiến cử nhân tài, mà không làm tổn thương cái tâm lương thiện. Đó là ý nghĩa của thiên Quan Thư.

Quan Thư

Chim Thư kêu (Quan Thư)
Chim Thư cưu cất tiếng kêu quan quan
Ở trên cồn bãi sông.
Như người con gái hiền thực dịu dàng
Đẹp đôi cùng người quân tử.
Mơ tưởng đến nàng mà không được
Thức ngủ đều mong nhớ
Ôi! Triền miên! Triền miên!

Quyển nhĩ

Bài thơ “*Quyển nhĩ*” nói lên cái chí của bà hậu phi. Lại đáng làm phụ tá cho vua chồng, cầu bậc tài đức, khảo xét các quan. Biết bày tôi siêng năng chăm chỉ, một lòng tiến cử người tài đức, mà không chút có lòng riêng tư. Ngày đêm lo nghĩ, một lòng vì việc nước.

Hái rau quyển (Quyển nhĩ)

*Rau quyển hái lại hái,
Không đầy giỏ nghiêng.
Ta nhớ người đi xa,
Bỏ quên cái giỏ ở bên con đường lớn kia.*

THIỆU NAM

Cam đường

Thiên thơ “*Cam đường*” ca tụng cái tốt đẹp của ông Thiệu Bá. Ông Thiệu Bá làm việc giáo hóa văn minh cho dân Nam quốc.

*Người ta giữ cành lá cây cam đường,
Không xén chặt một cành nhánh nào
Ngày xưa ông Thiệu Bá thường nghỉ chân
dưới bóng tàng lá ấy như ở dưới mái lều.*

Hà bỉ nùng hỹ?

Sao nàng tốt như vậy? (Hà bỉ nùng hỹ)

Thiên thơ “Hà bỉ nùng hỹ” ca tụng bà Vương cơ. Tuy bà là Vương cơ (con gái Thiên tử) tôn quý cũng hạ mình làm vợ vua chư hầu, xe ngựa, y phục không bắt buộc theo chồng, hạ thấp đẳng cấp vương hậu, vì chấp nhận đạo làm vợ mà nên cái đức cung kính hòa theo.

*Sao nàng tốt như vậy?
Như hoa cây đường lê,
Xe của vương cơ,
Không hạ đẳng cấp.*

BỐI PHONG

Bách chu

Thiên thơ “*Bách chu*”, nói nhân mà chẳng gặp. Vào thời vua Vệ Khoảnh Công, không gặp người có đức nhân, mà bên cạnh vua toàn là bọn tiểu nhân ở ngay.

Chiếc thuyền gỗ bách (Bách chu)

*Chiếc thuyền bằng gỗ bách bênh bồng,
Mặc cho nó nổi trôi phiêu bạt.
Dáng buồn không ngủ được,
Như có mối ưu sầu.
Lòng ưu sầu thiếu nãi,
Bị hầu thiếp ghét ghen
Bị khốn hận vì chúng đã nhiều,
Bị lòn nhục cũng không ít.*

Cốc phong

Bài thơ “*Cốc phong*”, chê trách vợ chồng mất đạo lý. Người nước Vệ theo vợ mới, bỏ vợ cũ. Vợ cũ với chồng xa biệt nhau, tục nước Vệ bị bại hoại vậy.

Cốc phong

*Gió đông điều hòa thoang thoang,
Cho nên mây che âm u và mưa tuôn xuống.
Vợ chồng gắng sức đồng tâm với nhau,
không nên có lúc giận dữ nhau.
Đi hái rau phong, rau phỉ.
Không nên câu nệ vì cái rẻ (chẳng vì cái rẻ
dở mà bỏ đi cái cọng ngon)
Tiếng tốt không bao giờ trái nghịch,
Để ở với chàng cho đến lúc cùng chết một
lượt.*

Chú thích:

Cốc phong: Gió thổi từ phương đông lại, gọi là cốc phong.

Rẻ và cọng rau phong rau phỉ đều có thể ăn được, nhưng rẻ lại có lúc ngon lúc dở khác nhau.

Người vợ bị chồng bỏ, nên mới làm bài thơ này để kể lại tâm tình sầu oán. Nói âm dương có hòa hợp rồi sau mới sinh ra mưa đổ xuống mà thâm nhuần, cũng như vợ chồng có hòa hợp rồi sau mới thành gia đạo. Cho nên vợ chồng phải gắng sức đồng lòng với nhau mà chẳng nên để nổi lòng phải giận dữ. Lại nói kẻ hái rau phong rau phỉ, không nên vì cái rẻ dở mà bỏ luôn cọng rau ngon. Cũng như làm vợ chồng, không nên vì nhan sắc suy kém mà bỏ cái đẹp, cái hay về tiếng tốt của vợ. Nhưng tiếng

tốt không bao giờ trái nghịch, thì vẫn có thể ăn ở với nhau cho đến chết vậy.

DUNG PHONG

Tướng thử

Bài thơ *Tướng Thử*, chế nhạo những ai coi thường lễ, hành động không đúng lễ, vua Vệ Văn công chinh lý quần thần, chế nhạo những ai không giữ đúng giáo hóa của vua cha.

Xem con chuột (Tướng Thử)

Xem con chuột, con vật đê tiện còn có da che,

Mà con người há lại không có lễ nghi?

Con người không có lễ nghi

Tại sao không chết đi cho rồi.

Con chuột, con vật đê tiện còn có thân thể,

Mà con người lại không có lễ nghi.

Can mao

Bài thơ “*Can mao*”, ca tụng những người thích làm việc thiện. Các bày tôi của vua Vệ Văn công đều thích làm việc thiện, người hiền vui lòng báo cáo thiện đạo vậy.

Cờ can mao (Can mao)

Cờ can mao cao chót vót (cờ cắm nơi xe quan đại phu)

Đến ngoại thành ấp Tuấn.

Dây tua tơ trắng cột cán cờ,

*Ngựa tốt bốn con kéo xe,
Người hiền tài đẹp đẽ kia,
Có gì tặng lại cho khách đây?*

Chú thích: *Cờ can mao*: cờ cấm nơi xe quan đại phu.

VỆ PHONG

Kỳ úc

Bài thơ *Ở khúc quanh của sông Kỳ*, nói cái tốt đẹp của vua Vệ Vũ công, Nhà vua có văn chương lại chịu nghe bày tôi can gián, dùng lễ tự trau dồi tu thân, nên được Thiên tử nhà Chu coi trọng khen ngợi, làm ra bài thơ này.

Ở khúc quanh của sông Kỳ (Kỳ úc)

*Trông kìa trên khúc quanh của sông Kỳ,
Tre xanh mới mọc mềm mại rườm rà.*

*Nước Vệ hôm nay có người quân tử văn nhã
Như đã cắt và dũa học tập đạo lý (kẻ làm đồ
bằng xương bằng sừng, sau khi tiện cắt ra, đem
trau dũa thêm cho trơn láng).*

*Như đã dũa mài lo việc tu thân (kẻ làm đồ
ngọc đá, sau khi đã đục thành hình phải dũa
mài cho bóng sáng).*

Hoàn lan

Bài thơ “*Hoàn lan*”, chê trách vua Huệ Công Ông vừa kiêu vừa vô lễ, quan đại phu chê trách vua làm bài thơ này.

Hoàn lan

*Cành cây hoàn lan,
Đưa trẻ đeo cái huê (cho ra dáng người lớn)
Tuy là đeo cái huê,
Tài năng không đủ để hiểu biết hơn ta.
Dáng thư thả rộng rãi phóng túng đường
hoàng.
Thất lưng buông xuống thướt tha.*

Chú thích:

Hoàn lan: Một thứ cây cỏ, có một tên nữa là la ma, mọc lan ra, cắt ngang thì có mủ trắng, ăn được.

Huê: Cái dùi làm bằng xương voi để mở nút hay gài nút của người lớn đeo, không phải để trang sức cho trẻ con.

VƯƠNG PHONG

Cát lữ

Bài thơ “*Dây sắn*”, Bà con tộc vua nhà Chu chê trách vua Chu Hoàn vương. Đạo trời nhà Chu suy vi, nhà vua bỏ bê không còn quan tâm đến cử tộc nhà mình.

Dây sắn (Cát lữ)

*Dây sắn mọc dài ra không dứt.
Ở trên bờ sông Hoàng Hà.*

*Rốt cùng phải xa anh em
Gọi người ngoài là cha.*

Thái cát (Hái dây sắn, dây đay)

Bài thơ “*Hái dây sắn, dây đay*” Sợ lời nói xiên
xẹo

*Hái dây sắn dây đay
Người ta đi hái dây sắn dây đay,
Một ngày mà không thấy nhau,
Thì đằng đằng như ba tháng vậy.*

TRỊNH PHONG

Phong vũ

Bài thơ “*Mưa gió*”, nhớ người quân tử. Thời loạn
nhớ đến người quân tử ra tay dẹp loạn, thay đổi cuộc đời
cho nhân dân.

*Mưa gió (Phong vũ)
Mưa gió tối tắm lạnh lẽo (thuận tiện cho
những cuộc chẹn hò).
Gà gáy ó ó,
Đã gặp được chàng,
Nói làm sao mà chẳng an vui được?*

Tử khâm

Bài thơ “*Bâu áo màu xanh*”, chê trách đề trường
học hoang phế. Thời loạn thì học hiệu bỏ hoang không
hoạt động.

Bâu áo màu xanh (Tử khâm)

Bâu áo của chàng thuần một màu xanh (nhớ chàng, em nhớ cả sắc phục của chàng).

Lòng em nhớ nghĩ xa xôi man mác.

*Nếu em không đến với chàng,
Sao chàng lại không có lời viếng thăm em?*

TỀ PHONG

Kê minh (Gà gáy)

Bài thơ “Gà gáy”, vua nhớ người hiền phi. Vua Ai Công hoang dâm khinh bạc, nên bà hiền phi trình nữ ngày đêm mong ngóng nhà vua trở về.

Gà gáy (Kê minh)

*Gà đã gáy rồi,
Triều thần đã đầy đủ rồi.*

*Nhưng không phải tiếng gà gáy,
Mà là tiếng của ruồi xanh bay vo vo.*

Nói người hiền phi ngày xưa hầu ở bên vua, cho đến lúc gần sáng, liều tâu với vua rằng: gà đã gáy rồi, các bầy tôi trong triều đã đầy đủ. Vì muốn vua dậy sớm để ra triều. Nhưng thật ra chẳng phải gà gáy, mà là tiếng ruồi xanh bay. Vì là bà hiền phi đương lúc dậy sớm, lòng thường sợ trễ, cho nên nghe tiếng giống nhau mà nhận là thật (nghe tiếng ruồi mà tưởng là tiếng gà). Nếu chẳng phải lòng nàng lo sợ e dè để khỏi phải lâm vào con đường dật dục, thì làm sao lại như thế? Cho nên nhà thơ kể lại sự tình ấy mà khen tặng.

Phủ điền

Làm ruộng (Phủ điền)

*Chớ làm ruộng miếng ruộng to,
Chỉ có cỏ dại mọc rậm rạp.
Chớ nhớ tưởng người ở xa,
Chỉ lao nhọc tâm tư mà thôi*

Bài thơ này răn người đương thời ghét việc nhỏ mà lo làm việc to, bỏ việc gần kề mà mưu tính việc xa xôi, sẽ chỉ lao nhọc mà không ra công cán gì.

NGUY PHONG

Phạt đàn (Đốn cây)

Bài thơ “Đốn cây”, chê trách người tham lam. Vì tham lam, vô công mà được hưởng bổng lộc. Người quân tử không thể như vậy.

Đốn cây (Phạt đàn)

*Tiếng đốn cây gõ đàn nghe thật mạnh,
Rồi đặt cây ấy ở bên bờ sông.
Nước sông trong và gió thổi gợn.
Không cấy không gặt.
Không đi săn đi bắn,
Sao lại thấy trong sân nhà anh có treo con
chồn?
Người quân tử kia,
Không thể ngồi không mà ăn.*

Nhà thơ nói: Có người ở chôn này, dùng sức đốn, đẵn cây đàn sẽ dùng làm xe mà đi trên bộ. Nay lại để

khúc cây đàn ấy bên bờ sông thì nước sông trong và gọn sóng mà cây gỗ không có dùng vào việc gì cả. Người ấy tuy muốn lấy sức mình làm để ăn mà không thể được vậy. Nhưng mà chí của người ấy thì tự cho là nếu không chịu cày cấy thì không thể có lúa, không đi săn bắn thì không thể được thú. Thế nên lòng cam chịu cùng quần thiếu đói mà không hối hận gì.

Nhà thơ thuật lại việc ấy mà than khen, cho là kẻ ấy thật không chịu ngồi không mà ăn. Đời sau, như bọn Từ Trĩ, không phải do hơi sức mình làm ra thì không ăn, đã phản khởi ý chí đến như thế.

Thạc thử (Chuột to)

Bài thơ “*Chuột to*”, chê việc thu thuế quá cao. Nhân dân trong nước chê trách vua nước họ thu thuế nặng, ăn hót của nhân dân mà không lo sửa sang việc chính trị cho tốt mà chỉ khiến dân ghét bỏ. Nhà vua tham ăn như con chuột to vậy.

Chuột to (Thạc thử)

Con chuột to! Con chuột to!

Chớ ăn nếp của ta.

Ba năm ta đã quen cái thói này của mày rồi.

Mày chẳng chịu đoái tưởng đến ta.

Ta sẽ đi và bỏ mày.

Để đến một vùng đất yên vui kia, một đất có đạo đức kia. Ở đây ta được nơi thích hợp.

ĐƯỜNG PHONG

Đệ đồ

*Cây Đổ lẻ loi
Cây lẻ loi một mình
Có cây xích đường lẻ loi một mình.
Lá đơm rườm rà.
Còn ta thì đi thui thủi một mình.
Há lại không có người khác để cùng đi với ta
hay sao? Than ôi! Những người đi đường,
Gặp người không có anh em,
Sao lại không đỡ đần?*

Đây là lời của người không có anh em, tự thương xót cho mình cô độc mà cầu xin người giúp đỡ. Nói: Cây xích đường lẻ loi một mình mà lá vẫn xanh tươi rườm rà. Còn người mà không có anh em thì đi một mình lẻ loi, lại chẳng như cây xích đường vậy. Nhưng há lại không có người nào khác để đi cùng chung hay sao? Chỉ vì những người ấy không như anh em cùng một cha với ta, nên ta không khỏi phải đi lẻ loi một mình. Cho nên than thở người đi đường sao không thương xót đến ta phải đi một mình mà gần gũi với ta, tội nghiệp cho ta không có anh em mà giúp đỡ ta.

TÀN PHONG

Thần phong

Bài thơ “*Chim cắt*”, chê trách vua Khang công. Khang công quên mất cơ nghiệp của vua Mục công, bắt đầu bỏ không nghe lời của hiền thần.

Chim cắt (Thần phong)

*Chim cắt bay mau kia,
Bay về rừng phương bắc rậm rạp.
Chưa thấy đặt chàng,
Lòng u buồn không quên được.*

*Như thế nào? Như thế nào?
Người quên ta thật quá nhiều vậy?*

Vị Dương (Bờ bắc sông Vị)

Bài thơ “*Vị Dương*”, Khang công nhớ đến người mẹ đã mất. Mẹ Khang công là con gái vua Tấn Hiến công. Khi là công tử, Văn công bị mẹ kế gièm pha phải bỏ trốn qua nước Tần được vua Tần Mục công che chở, Khang công con trai người chị của Văn công, khi ấy là Thái tử, tiễn cậu về nước đưa đến bờ bắc sông Vị, nhớ người mẹ đã mất nay không còn được gặp mặt. chỉ có cậu đây, như mẹ còn sống, Đến khi lên nối ngôi làm bài thơ này.

Bờ bắc sông Vị (Vị Dương)

*Ta đưa tiễn cậu ta,
Nói là đến phía bắc sông Vị.
Lấy gì mà tặng cho người?
Lấy xe của chư hầu và bốn con ngựa vàng (mà tặng).*

Chú thích:

Cửu thị: Cậu của Tần Khang Công, tức là Tấn Văn công Trùng Nhĩ, công tử của nước Tấn chạy trốn ở nước ngoài, được Tần Mục Công dung nạp cho ở trong nước Tần. Lúc ấy, Khang Công làm thái tử, đưa cậu Trùng Nhĩ đến phía bắc sông Vị mà có bài thơ này.

Vị: Tên sông Vị, lúc ấy, nước Tần đóng đô ở Ung Châu, đến phía bắc sông Vị là phải đi sang hướng đông mà đưa tiễn ở đất Hàm Dương. Theo truyện Xuân Thu, Tấn Hiến công phạm thượng, lấy người hầu của cha, nàng Tề Khương, sinh ra người con gái là vợ của Tần

Mục công, và đưa con trai là thái tử Thân Sinh, lại cưới nàng Hồ Cơ của rợ Khuyển Nhung, sinh ra con trai là Trùng Nhĩ, cưới con gái rợ Tiểu Nhung, sinh ra con trai là Di Ngô, cưới nàng Ly Cơ, sinh ra con trai là Hề Tề, lấy em gái nàng Ly Cơ (đi theo chị lúc đưa dâu), sinh ra con trai là Trác Tử. Nàng Ly Cơ gièm pha thái tử Thân Sinh, khiến Thân Sinh phải tự sát, nàng Ly Cơ lại gièm pha hai công tử Trùng Nhĩ, Di Ngô. Hai công tử này đều bỏ trốn ra nước ngoài. Tấn Hiến Công chết, Hề Tề và Trác Tử lần lượt lên nối ngôi, đều bị quan đại phu là Lý Khẩn giết chết. Tàn Mục Công dung nạp Di Ngô, ấy là Tấn Huệ Công. Tấn Huệ Công chết, con là Ngữ được lập làm vua, ấy là Tấn Hoài Công. Năm sau, Tàn Mục Công lại dung nạp Trùng Nhĩ, ấy là Tấn Văn Công. Vương thị nói: chi Vị dương (đến phía bắc sông Vị) là đi ra xa mà đưa tiễn.

Thương thị ở Quảng Hán nói: Khang Công làm thái tử, đưa tiễn người cậu mà tưởng nhớ đến mẹ đã chẳng còn, thì hẳn là lòng tốt vậy, nhưng cuối cùng cũng không thể tự thắng mình ở chiến dịch Lịnh Hồ (quân Tàn bị thua to ở Lịnh Hồ) chỉ vì lòng oán hận và ham muốn đã làm hại lương tâm vậy. Nếu như Khang Công biết noi theo lòng tốt ấy mà bồi dưỡng, làm cho nó đầy đủ thêm ra, thì lòng ham muốn và oán hận kia có thể tiêu tan mà hết.

Quyền dư (Lúc ban đầu)

Lúc ban đầu

Đối với bọn chúng ta,

Nhà vua tiếp đãi lúc ban đầu.

Rất là to tát và sâu rộng

Không thể tiếp tục như lúc ban đầu được nữa!

Chú thích:

Vua Sở Nguyên vương lấy lễ kính đãi ba vị Thân Công, Bạch Công và Mục Sinh. Mục Sinh không thích rượu cay, Nguyên vương mỗi lần bày tiệc rượu, thường đem rượu ngọt cho Mục Sinh. Đến khi Vương Mậu lên ngôi cũng thường bày tiệc, nhưng về sau lại quên rượu ngọt. Mục Sinh lui về nói: Có thể bỏ đi rồi vậy! Rượu ngọt không bày ra nữa, ý của nhà vua đã sơ suất đối với ta rồi, nếu không bỏ đi thì người nước Sở sẽ đem ta ra mà kẹp giữa chợ. Bèn thác bệnh. Thân Công và Bạch Công cố nài mà rằng: Lễ nào chẳng nghĩ đến ân đức vua thuở trước hay sao? Nay một sớm, vua đương thời thất một lễ mọn, sao đến nỗi đáng chi mà phải xử thế?

Mục Sinh nói: Vua thuở trước sở dĩ lấy lễ mà đãi ngộ bọn ba người chúng ta vì đạo hãy còn vậy. Nay vua bây giờ đã sơ sót, tức là quên cái đạo ấy rồi. Người đã quên đạo thì sao còn ở chung với nhau lâu dài được? Ta há lại khu khu vì cái lễ mọn kia hay sao? Mục Sinh bèn thác bệnh mà bỏ đi.

TÀO PHONG

Phù du

Bài thơ “*Phù du*” chê trách sự xa hoa phung phí. Chiêu công quốc tiểu nhi bách, vô pháp dĩ tự thủ, hảo xa nhi nhiệmtiểu nhân, tương vô sở y yên.

Con Thiêu thân (Phù du)

Cánh con thiêu thân

Như áo quần tươi sáng (của mình trang sức xa hoa).

Cho nên lòng ta ưu sầu cho việc không lâu dài ấy.

Đối với ta, ta muốn trở về yên thôi (đừng ham những việc ngắn ngủi không lâu dài ấy).

Hậu nhân (Quan hậu)

Bài thơ “*Hậu nhân*”, chê trách kẻ tiểu nhân.

Hậu nhân (Quan hậu)

*Những người làm chức mọn đưa rước tân
khách trên đường kia!*

Phải vác giáo vác đòn.

Còn những đứa tiểu nhân kia,

*Đến ba trăm đứa đều mặc phát đồ là sao?
(lễ phục của quan to)*

TIỂU NHÃ

Lộc minh

Bài thơ “*Hươu kêu*”, nhà vua tổ chức tiệc chiêu đãi quần thần, quan khách. Mọi người đã được ăn uống lại còn được được tặng lụa đựng trong giỏ tre xinh xắn. Nhà vua có hậu ý nên quần thần gia khách đều hết lòng tận trung.

Hươu kêu (Lộc minh)

Con hươu kêu hòa dịu

Để gọi nhau ăn cỏ bình ở đồng nội

Ta có nhiều tân khách tốt

Thối sáo thối kèn lên

*Hãy bung cái rỏ đựng hàng lụa để ta trao
tặng tân khách*

Những người mến thích ta

Hãy chỉ cho ta nẻo đường nào to tát (để ta noi theo).

Hoàng hoàng giả hoa (Những đóa hoa rực rỡ)

Bài thơ “*Những đóa hoa rực rỡ*”, nhà vua đề lại cho sứ thần. Tiễn đưa đúng lễ nhạc, lời nói thì còn chưa hay vậy.

*Những đóa hoa rực rỡ
Những đóa hoa rực rỡ,
Đua nở khắp gò trũng kia.
Đông đảo người ta đã ra đi,
Thì nỗi lo nghĩ trong lòng như có điều lo
chẳng kịp*

Thường đệ (Cây Thường đệ)

Bài thơ “*Cây Thường đệ*”, tỏ chúc tiệc chiêu đãi anh em họ hàng. Lo nghĩ đến chuyện thất đạo, nên làm bài thơ “*Thường đệ*” này.

Cây Thường đệ

*Hoa cây Thường đệ,
Trông bề ngoài há lại không chói lợi hay
sao?
Phàm người bây giờ,
Thì chẳng có ai bằng anh em họ hàng.*

Phạt mộc (Đốn cây)

Bài thơ “Đốn cây”, tổ chức tiệc chiêu đãi bạn bè cố cựu. Từ nhà vua trở xuống dân thường, chưa có chuyện không tốt với bạn mà được như vậy. Thân với người họ hàng, chơi với bạn không bỏ bạn, không hề quên người cũ, thì mọi người đều theo về.

Đốn cây

*Tiếng đốn cây nghe tranh tranh,
Tiếng chim kêu nghe oanh oanh.
Bay ra từ hang sâu,
Rồi bay lên trên cây cao.
Kêu lên những tiếng oanh oanh,
Đó là tiếng chim kêu tìm bạn,
Xem con chim kì,
Còn có tiếng kêu tìm bạn,
Huống chi là con người.*

Thiên bảo (Trời yên định)

Bài thơ “Trời yên định” là lời người dưới nói với người trên. Nhà vua có khả năng hạ mình với người dưới, thì việc cai trị thành công, bầy tôi tất hết lòng làm việc để báo đáp ơn vua.

Trời yên định

*Trời đã yên định cho ngài,
Khiến ngài được trọn lành
Ngài làm những việc không gì là không thích
nghĩ
Ngài được trời ban cho bách lộc.
Như trăng non cứ thêm đầy
Mặt trời trong buổi sáng ngày thêm cao*

*Như núi Nam trường thọ lâu dài,
Không khuyết không lở.
Như cây tùng cây bách xanh tốt,
Dòng dõi ngài cứ nối tiếp mãi.*

Nam sơn hữu đài (Núi Nam có cây đài)

Bài thơ “*Núi Nam có cây đài*”, vui mừng được người hiền tài

Núi Nam có cây đài

*Núi Nam thì có cây đài,
Núi Bắc lại có cây cỏ lai.
Vui thay những vị tân khách tài đức,
Là nền móng của nước nhà.
Vui thay những vị tân khách tài đức!
Được trường thọ không hạn kỳ.*

Lục tiêu (Cỏ tiêu xanh tốt)

Cỏ tiêu xanh tốt

*Cỏ tiêu kia đã lớn cao lên rồi,
Được sương móc nhuận thấm.
Đã gặp chư hầu
Thì lòng ta (vua) thoải mái không còn ân hận
gì nữa..
Ăn uống cười nói với nhau,
Là để vui vẻ vờn lòng với nhau.*

Chư hầu đi triều kiến thiên tử, thiên tử cùng chư hầu yến tiệc với nhau để tỏ lòng nhân ái thương yêu,

cho nên mới hát bài thơ này lên.

Trạm lộ (Sương móc)

Bài thơ “*Trạm lộ*”, thiên tử tổ chức tiệc chiêu đãi các vua chư hầu.

Sương móc

*Sương móc rơi đầm đìa,
Trên lớp cỏ tươi tốt rườm rà.
Yến ẩm ban đêm yên tĩnh, vui vầy với nhau,
Không say quyết không về.*

Lục nguyệt

Bài thơ “*Tháng sáu*” nói việc vua Tuyên vương bắc phạt. Bài thơ “*Lộc minh*” phế, thì hòa lạc khuyết vậy; Bài thơ “*Tứ mẫu*” phế, thì quân thần khuyết vậy; Bài thơ “*Hoàng hoàng giả hoa*” phế, thì trung tín khuyết vậy; Bài thơ “*Thường đệ*” phế, thì huynh đệ khuyết vậy; Bài thơ “*Phạt mộc*” phế, thì bằng hữu khuyết vậy; Bài thơ “*Thiên bảo*” phế, thì phúc lộc khuyết vậy; Bài thơ “*Thái vi*” phế, thì chinh phạt khuyết vậy; Bài thơ “*Xuất xa*” phế, thì công lực khuyết vậy; Bài thơ “*Đệ đồ*” phế, thì sư chúng khuyết vậy; Bài thơ “*Ngư lệ*” phế, thì pháp độ khuyết vậy; Bài thơ “*Nam cai*” phế, thì hiếu hữu khuyết vậy; Bài thơ “*Bạch hoa*” phế, thì liêm sĩ khuyết vậy; Bài thơ “*Hoat mộc*” phế, thì súc tích khuyết vậy; Bài thơ “*Do canh*” phế, thì âm dương mất đạo lý vậy; Bài thơ; “*Nam hữu gia ngư*” phế, thì hiền giả bất an, hạ dân chẳng được lợi vậy; Bài thơ “*Sùng khâu*” phế, thì vạn vật chẳng toại vậy; Bài thơ “*Nam sơn hữu đài*” phế, thì đất nước sụp đổ vậy; Bài thơ “*Do nghi*” phế, thì

vạn vật mất đạo lý vậy; Bài thơ “*Lục tiêu*” phé, thì ân trạch trái ngược vậy; Bài thơ “*Trầm lộ*” phé, thì vạn quốc ly tan vậy; Bài thơ “*Đồng cung*” phé, thì chư Hạ suy vậy; Bài thơ *Tình tình giả nga [cổ nga]*” phé, thì vô lễ nghi vậy; “*Tiểu nhĩ*” phé hết, thì bốn phía quân rợ giao xâm, Trung Quốc suy vì vậy.

Tháng sáu

*Tháng sáu rộn rịp không yên,
Binh xa đã nghiêm chỉnh
Quân rợ rất đông,
Lòng ta khẩn cấp.*

Xa công (Xe vững chắc)

Xe vững chắc

*Xe của ta đã vững chắc,
Ngựa của ta đã đồng đều
Bốn con ngựa đực mạnh mẽ,
Thăng vào xe để sang Đông đô.
Ngựa hí nhàn nhã,
Cờ bay phấp phới mà lặng lẽ
Các vị đi sẵn sẵn,
Nghe nói vậy mà không nghe tiếng ồn ào*

Hồng nhạn (Chim Hồng, chim Nhạn)

Bài thơ “*Chim hồng chim nhạn*”, ca tụng vua Chu Tuyên vương. Nhân dân ly tán không có chỗ ở cố định, rất bất an. Vua Tuyên vương ổn định nơi ở cho họ, kể cả những người góa chồng góa vợ cũng đều được có nơi ở ổn định.

Chim hồng chim nhạn

*Chim hồng chim nhận bay đi,
Cùng đậu ở trong đầm nước.
Người dân lưu lạc lo xây tường,
Hàng trăm bức tường đều được xây xong,
Nay tuy lao nhọc,
Rốt cuộc sẽ có nhà để ở riêng.*

Bạch câu (Ngựa tơ lông trắng)

Bài thơ “*Ngựa tơ lông trắng*”, các quan đại phu chê trách vua Chu Tuyên vương.

Ngựa tơ lông trắng

*Ngựa tơ lông trắng tinh anh,
Ăn mạ non nơi ruộng của ta.
Thì ta cột chân cột cổ lại,
Để lưu người hiền lại suốt buổi sáng này.
Cho người hiền ấy,
Cứ dạo chơi ở nơi ấy.*

Tiểu Nam sơn (Núi Nam cao vút)

Bài thơ “*Núi Nam cao vút*”, nhân dân chê trách vua Chu U vương.

Núi Nam cao vút

*Núi Nam cao vọi vọi,
Chỉ có đá chập chùng.
Quan Thái sư hiển hách họ Doãn,
Dân chúng đều trông mong nơi ngài.
Quốc gia đến lúc suy tàn,
Mà sao ngài không xét đến?*

Chính nguyệt (Tháng Tư)

Bài thơ “*Chính nguyệt*”, quần thần chê trách vua Chu Uvương.

Tháng Tư

*Tháng tư sương nhiều,
Lòng ta lo buồn thương cảm.
Những lời nói dối gạt dân chúng.
Cũng rất là thảm khóc.
Nói trời thì cao,
Mà mình không dám chằng khum co mình.
Nói đất thì dày,
Mình không dám chằng đi rất chậm.
Thương thay cho người ngày nay
Sao lại bị loài rắn độc.
Ngọn lửa vừa bùng cháy lên,
Lại có kẻ dập tắt được chằng?
Kinh đô nhà Chu huy hoàng lộng lẫy,
Sẽ bị Bao Tự (vợ U vương) làm cho tiêu tan.*

Chú thích:

Chính nguyệt: tháng 4 đầu mùa hạ (Trung Hoa), vì tháng tư thuộc quẻ Càn, có 6 hào đều dương là tháng chính dương.

Thập nguyệt chi giao: Tháng Mười gặp nhau

Bài thơ “*Tháng Mười gặp nhau*”, quần thần chê trách vua Chu U vương.

Tháng mười gặp nhau

*Tháng Mười mặt trăng mặt trời gặp nhau,
Vào ngày đầu tháng, ngày Tân Mão
Mặt trời bị ăn,*

*Là điềm rất xấu.
Mặt trăng bị ăn
Thì đó là việc thường.
Còn mặt trời bị ăn,
Thì ở đâu cũng không tốt.
Hàng trăm con sông nước đầy tràn bờ.
Núi cao bị lở,
Bờ cao sụp xuống thành hang.
Vực sâu bị đùn lấp thành gò.
Thương xót thay cho nhân dân ngày nay!
Mà sao vua vẫn không hỏi cải?
Ráng sức gắng gượng làm việc,
Không dám than khổ nhọc.
Người không tội không lỗi,
Cũng bị mệnh đời gièm pha hãm hại.*

Tiểu mân

Bài thơ *Tiểu mân*, các quan đại phu chê trách vua Chu Uvương.

Ý xa (Tiểu Mân)

*Những cơ mưu hay thì không được vua nghe theo
Còn những cơ mưu xấu xa, chẳng lành thì được vua dùng.
Mai rùa để bói mà ta đã bói chán,
Không báo cho biết mưu cơ lành dữ ra sao.
Bọn mưu sĩ dỏ hơi thì rất đông,
Cho nên mưu cơ đem ra dùng cũng không thành.
Người có ý kiến thì đầy ở triều đình,*

Nhưng ai dám nhận lỗi về mình khi mưu cơ thất bại?

Tiểu uyển (Dáng nhỏ)

Bài thơ “*Dáng nhỏ (Tiểu uyển)*”, các quan đại phu chê trách vua Chu U vương.

Dáng nhỏ

*Người cung kính dịu hòa,
Như đứng trên cây cao chơi vui.
Phải lo sợ cẩn thận,
Như đi vào trong hang sâu.
Phải lo sợ cẩn thận,
Như đi trên lớp băng mỏng.*

Tiểu bàn (Chim vỗ cánh)

Bài thơ “*Chim vỗ cánh (Tiểu bàn)*”. Chê trách vua Chu U vương. Có người cho rằng Thái tử làm bài này.

Chim vỗ cánh

*Con đường nhà Chu to phẳng,
Nay bị cỏ mọc rườm rà.
Lòng ta đau đớn ưu sầu,
Khi nhớ đến như bị đâm bị giã.
Ta không thay áo, không gỡ mũ nằm thờ
than mãi.
Chỉ sầu muộn mà hóa ra già lão.
Lòng ta ưu sầu,
Đau đớn như bị chứng bệnh nhức đầu.
Chỉ có cây dâu và cây thị do cha mẹ trồng.
Là ta tất phải cung kính.*

*Chẳng trông mong vào người chẳng phải là
cha mình,
Chẳng nương tựa vào người chẳng phải là
mẹ mình.
Ta chẳng phải là dư khí của cha mẹ hay
sao?
Ta chẳng phải ở trong lòng cha mẹ hay
sao?
Chớ đi trên đập đá của ta,
Chớ mở cái đố của ta mà trộm cá.*

Xảo ngôn (Nói xạo)

Bài thơ “Lời nói xạo”, chê trách vua Chu U vương. Quan Đại phu ghét bọn sàm nịnh nên làm ra bài thơ này.

Lời nói xạo (Xảo ngôn)

*Biến loạn lúc mới sinh ra,
Chỉ vì những thứ không đáng tin mà vua
chứa chấp.
Biến loạn lại phát sinh ra
Chỉ vì vua tin dùng kẻ nịnh.
Vua tin theo đũa trộm cướp, thì rối loạn
càng lớn bạo.
Lời nói của đũa tiểu nhân rất ngon ngọt,
Thì biến loạn càng tiến tới.*

Hạng bá (Bé xé ra to)

Bài thơ “Bé xé ra to” chê trách vua Chu U vương. Hoạn quan ghét kẻ nịnh làm bài thơ này.

Bé xé ra to (Hạng bá)

*Những dáng mạo có văn chương này!
Có thể điểm xuyết bức vải gấm lộng lẫy.
Kẻ siểm nịnh gian ngoa,*

*Làm những chuyện quá lắm!
Hãy bắt đưa siểm nịnh
Ném cho sói cho cọp xé xác ăn thịt.
Sói cọp không ăn,
Đày nó lên phía bắc lạnh lẽo.
Phương bắc không nhận,
Thì ném trả cho trời trị.*

Cốc phong (Gió Đông)

Bài thơ “Gió đông” chê trách vua Chu U vương.

Gió Đông

*Gió Đông điều hòa,
Có mưa thì có gió.
Khi hoạn nạn nguy hiểm phải sợ hãi,
Thì chỉ có tôi với bạn.
Còn lúc an vui,
Sao bạn lại bỏ tôi.
Bạn lại quên công đức to lớn của ta,
Mà chỉ nhớ những hiểm oán nhỏ nhen của ta*

Lục nga (Rau Nga lên dài)

Bài thơ “Rau nga lên dài” chê trách vua Chu U vương. Nhân dân lao khổ, người con hiếu phụng dưỡng cha mẹ không được chu đáo.

Rau nga lên dài

*Rau nga đã lên dài,
Chẳng phải là thứ rau năm xưa, mà là thứ
cỏ hèn.
Xót thương cha mẹ
Đã cực nhọc sinh ta.
Không có cha thì biết dựa vào đâu,*

*Không có mẹ thì biết trông cậy vào đâu?
Đi ra thì ngậm mồi ưu sầu,
Đi vào thì như chẳng biết về đến nơi nao.
Cha này sinh ra ta
Mẹ này mớm cho ta
Vỗ về, nuôi nấng ta
Nuôi lớn, dạy dỗ ta
Chăm sóc, nhắc nhở ta
Muốn báo ân đức ấy
Ôi trời cao bao la!*

Bắc sơn

Bài thơ “*Bắc sơn*”, chê trách vua Chu U vương bắt phục dịch không đồng đều. bản thân theo hầu một nhọc, mà không được phụng dưỡng mẹ cha.

*Khắp cõi đất to rộng dưới bầu trời,
Chẳng có nơi nào không thuộc lĩnh thổ của nhà vua.*

*Noi theo vùng đất ven bờ,
Dân chúng khắp nơi chẳng ai không là bầy tôi của vua.*

Nhà vua bố trí quan đại phu không công bằng,

Khiến một mình ta phải phục dịch nhọc nhằn hơn cả.

Hoặc có kẻ được yên ổn nghỉ ngơi,

Hoặc có người phải tận tụy phụng sự quốc gia.

Hoặc có kẻ được nằm nghỉ trên giường,

Hoặc có người phải phục dịch mãi không thôi.

Hoặc có kẻ an nhàn không hề nghe bề trên sai khiến, Hoặc có người phải lao khổ mệt nhọc.

*Hoặc có kẻ an nhàn dạo xem phong cảnh,
khi cúi xuống
khi ngẩng lên
Hoặc có người vì công việc vua giao mà hốt
hất tiêu tụy.
Hoặc có kẻ rảnh quá vui thú rượu chè,
Hoặc có người lo lắng sợ mình làm gì vương
vào tội lỗi.*

Thanh thẳng (ruồi xanh)

Bài thơ “*Ruồi xanh*”, quan đại phu chê trách vua Chu U vương.

*Tiếng ruồi xanh bay rầm rĩ,
Nơi bờ rào.
Mong nhà vua vui vẻ,
Chớ nghe lời sàm nịnh.
Tiếng ruồi xanh bay rầm rĩ,
Nơi bụi cây gai,
Lời gièm pha thì không cùng không dứt,
Làm rối loạn các nước tứ phương.*

Tân chi sơ diên (Tân khách vào tiệc)

Bài thơ “*Tân khách vào tiệc*”, vua Vệ Vũ công chê trách lối sống xa đọa thời bấy giờ. Vua Chu U vương buông thả, tin yêu gần gũi kẻ tiểu nhân, nhậu rượu vô độ, khiến thiên hạ xa lánh.

Vua U vương cùng bảy tôi tiểu nhân chìm đắm trong chuyện hưởng lạc. vua Vệ Vũ công từng chứng kiến nên làm bài thơ này.

Tân khách vào tiệc

*Tân khách bắt đầu vào tiệc,
Thì ôn hòa cung kính,
Lúc chưa say.
Uy nghi còn giữ phép theo lễ,
Nhưng đến khi say sưa,
Thì mất hết uy nghi.
Có người bỏ chỗ mình ngồi mà dời sang chỗ
khác,
Cứ múa may nhảy nhót ngất ngư.
Tân khách đã say,
Thì la hét om sòm.
Làm xáo trộn cả đĩa bát của ta
Cứ nhảy múa ngả nghiêng,
Là khi đã quá say,
Đâu còn biết lỗi lầm nữa.
Mũ đội nghiêng nghiêng,
Nhảy múa mãi không thôi.*

Thái thúc (Hái đậu)

Bài thơ “*Hái đậu*”, chê trách vua Chu U vương. Vua U vương làm nhục các vua chư hầu, Các vua chư hầu đến triều đình, vua U vương chẳng làm lễ ban thưởng (tích mệnh). Theo lễ thì vua chư hầu đến triều bái thì có lễ tích mệnh, mà vua U vương không giữ tín nghĩa ấy, các vua chư hầu thấy vậy mới nhắc đến lễ nghi trước đó.

Hái đậu

*Hái đậu, hái đậu,
Thì dùng giỏ tròn giỏ vuông mà đựng
Vua chư hầu đến châu,*

*Thiên tử phải có lễ Tích mệnh.
Mà không có gì ban thưởng,
Các vua chỉ có xe bốn ngựa.*

Giác cung (Cung bằng sừng)

Bài thơ “*Cây cung bằng sừng*”, cha anh chê trách vua Chu U vương. Vua Chu U vương không thân với bà con họ tộc, mà tin dùng gần gũi bọn sàm nịnh, Họ hàng cốt nhục oán trách, làm bài thơ này.

Cây cung bằng sừng

*Cây cung sừng điều hòa,
Đã bật trở ra.
Anh em họ hàng hai bên nội ngoại
Chớ nên xa nhau.
Ngài xa cách bà con họ hàng,
Thì dân chúng cũng đều xa cách bà con họ
hàng,
Ngài dạy bảo như thế nào,
Thì dân chúng bắt chước theo y như vậy.*

Uất liễu (Cây liễu rậm rạp)

Bài thơ “*Cây liễu rậm rạp*”, chê trách vua Chu U vương. Nhà vua bạo ngược mà hình phạt thì khắc nghiệt, không đúng người, các vua chư hầu hết muốn đi châu thiên tử hàng năm, bảo rằng thiên tử không tổ chức triều đình ra triều đình.

Cây liễu rậm rạp

*Có cây liễu tươi tốt rậm rạp,
Ai lại chẳng muốn dừng nghỉ dưới tàn liễu
ấy.*

*Giả sử ta châu giúp thiên tử định yên vương thất nhà Chu,
Thì về sau ta phải cam chịu hết những ham muốn của thiên tử.*

Thấp tang (Cây dâu chỗ thấp)

Bài thơ “*Thấp tang*”, chê trách vua Chu U vương. Bọn tiểu nhân đầy triều, đẩy các bậc quân tử về vườn hết. Bậc quân tử tận tâm phụng sự sao được.

Cây dâu chỗ thấp

*Cây dâu chỗ thấp có dáng đẹp dễ,
Lá tỏa rườm rà,
Đã gặp người quân tử rồi,
Vui thích biết đường nào!
Trong lòng yêu quý bậc quân tử,
Mà sao lại chẳng thốt lên cho người ta biết?
Cứ giấu mãi trong lòng,
Thì biết đến bao giờ mới quên cho được?*

Bạch hoa (Hoa trắng)

Bài thơ “*Hoa trắng*”, Người dân nhà Chu chê trách vợ vua Chu U vương. U vương đã cưới cô họ Thân nữ đưa làm hoàng hậu, sau mê đắm sắc Bao Tự nên phế Thân hậu, lập Bao Tự làm hoàng hậu. Cho nên người dân phản đối việc đưa vợ lẽ (thiếp) lên làm vợ chính (thê), dùng con vợ lẽ thay con vợ chính. Chuyện trái đạo mà vua vẫn làm.

Hoa trắng

*Mây trắng nhẹ nhàng sáng lòà,
Hóa thành sương móc nhuận gội cây lau cây tranh.*

*Vận trời gian nan,
Mà nhà vua không lo che chở dân mình.
Đánh chuông trong cung vua,
Tiếng chuông lọt ra ngoài.
Lòng buồn rười rượi nhớ đến vua,
Mà vua chẳng đoái trông đến ta.*

Hà thảo bất hoàng (Cỏ nào không úa)

Bài thơ “Cỏ nào không úa”, nước chư hầu chê trách vua Chu U vương. Các nước tứ di cho quân xâm phạm biên giới, người trong nước làm phản, chinh chiến liên miên, nhà vua coi dân như cầm thú. Người quân tử lo lắng ưu sầu, làm bài thơ này.

Cỏ nào không úa

*Cây cỏ nào mà không bị úa vàng,
Ngày nào mà chẳng phải đi đánh nhau.
Người nào mà chẳng phải ra đi,
Đi kinh doanh làm ăn khắp bốn phương.
Khách chinh phu chúng ta không như con
dã thú
Mà cứ khiến phải noi theo cánh đồng rộng
lớn trống trải.
Thương thay bọn chinh phu chúng ta,
Sớm tối không chút an nhàn.*

Văn vương

Bài thơ “Văn vương”, vua Chu Văn vương thừa mệnh trời lập nên nhà Chu.

Văn vương

Vua Chu Văn vương đứng đầu tất cả,

*Đã chiếu sáng khắp trên trời.
Nhà Chu tuy vốn là một nước chư hầu nhỏ,
Mà mới được trời cho làm thiên tử.
Được nhiều bậc hiền sĩ theo giúp,
Thì vua Văn vương mới được bình yên.
Con cháu của nhà Thương,
Đông tới vạn ức.
Mà khi thượng đế đã ra lệnh,
Thì tất cả đều phục tùng nhà Chu
Con cháu nhà Thương Ân phải tùng phục
nhà Chu
Vì mệnh trời không dành riêng cho một họ
tộc nào.
Bề tôi nhà Ân những người mãi tiếp
Làm việc rót rượu dâng lên cúng tế ở kinh
đô.*

Đại minh (Đức hạnh rạng rỡ)

Bài thơ “Đức hạnh rạng rỡ”, vua Văn vương sáng tỏ đạo đức, nên trời cho con là Vũ vương nối nghiệp làm tỏ đức của cha.

Đức hạnh rạng rỡ

*Ở trên đời có người đức hạnh rạng ngời,
Thì ở trên trời có mệnh lệnh hiển hách.
Lẽ trời rất khó mà biết chắc được
Và chuyện làm vua cũng đâu có dễ.
Con cháu dòng đích nhà Ân ở ngôi trời,
Khiến không còn nắm giữ tứ phương.
Chỉ có vua Văn vương,
Rất cẩn thận cung kính. Phụng thờ Thượng
đế.
Cho nên được hưởng nhiều phúc lộc.*

*Còn đạo đức thì không nghiêng ngả tà vạy,
Nên được bốn phương đều quy phục.*

Tư trai

Bài thơ “Đoan kính (Tư trai)”, Văn vương đúng là bậc thánh.

Đoan kính

*Bà Thái Nhâm đoan kính,
Là mẹ của vua Văn vương.
Được bà Thái khương (mẹ chồng) yêu mến.
Nên xứng là vợ hiền của nhà Chu.
Nàng Đại Tự nổi được đức hạnh tốt ấy,
Nên sinh ra được hàng trăm con trai,
Vua Văn vương làm khuôn phép cho vợ.
Rồi đến anh em
Để cai trị nước nhà.*

Linh đài (Đài thiêng)

Bài thơ “Đài thiêng”, nhân dân tự động kéo đến làm. Văn vương thụ mệnh trời làm vua, nên nhân dân vui mừng cho là linh đức, cho đến chim thú côn trùng cũng vui mừng.

Linh đài

*Đo đất chuẩn bị làm Linh đài,
Rồi đóng cọc để làm nền móng
Nhân dân lo việc xây cất,
Chẳng bao lâu thì xây xong.
Văn vương bảo chớ làm gấp quá,*

Nhân dân tự động kéo nhau đến làm mà không cần phải gọi.

Hành vĩ (Hàng cỏ vĩ)

Bài thơ “*Hàng cỏ vĩ*”, nói về sự trung hậu. Nhà Chu trung hậu, nhân từ đến cả loài thảo mộc, nên trong thì hòa mục với cửu tộc, ngoài thì tôn kính phục vụ hoàng khảo, cố gắng dưỡng lão, nên được hưởng phúc lộc.

Hàng cỏ vĩ

*Cỏ vĩ bên đường rậm rạp
Bò dê chớ nên dẫm đạp lên trên.
Hạt cỏ vĩ vừa lên mầm chưa tách vỏ bao
mọc thành cây con,
Lá non mềm mại tron mướt.
Người già thì lưng đã trở đồi mồi,
Cùng dẫn dắt mà giúp đỡ nhau.
Để được sống lâu tốt đẹp,
Để hưởng phúc lộc to lớn.*

Gia lạc (Vui mừng)

Bài thơ “*Vui mừng*”, ca tụng vua Chu Thành vương.

Vui mừng

*Nhà vui vui mừng,
Đức tốt rạng rỡ.
Thích hợp với quan và dân,
Cho nên vua được hưởng lộc trời.
Thiên tử cầu lộc thì được trăm phước,
Con cháu đầy đàn có đến ngàn ức.
Thảy đều đẹp để cung kính,
Đều vua chư hầu, có người làm tới thiên tử.
Đều không có tội lỗi gì,
Đều noi theo pháp tắc của tiên vương ngày xưa.*

Dân lao (Dân lao khổ)

Bài thơ “*Dân lao khổ*” Triệu Mục Công khuyên trách vua Chu Lệ vương.

Dân lao khổ

*Dân chúng cũng đã lao khổ,
Mong được bình yên.
Thì vua nên thương xót người dân ở trung tâm đất nước,
Để yên dân bốn chung quanh.*

Bản (Phản)

Bài thơ “*Phản*”, chú bác trong họ tộc chê trách vua Chu Lệ vương.

Phản

Trời làm trái đạo thường,

*Cho nên nhân dân phải bị bệnh hoạn.
Lời vua nói ra không hợp lý,
Mưu tính của vua không lâu dài.
Người đạo đức lớn làm hàng rào,
Đông đảo dân chúng thì làm bức tường.
Nước chư hầu lớn mạnh làm bình phong,
Nhà quyền thế thì làm trụ cột.
Lo trau dồi đức hạnh thì nước được ổn định,
Bà con cửu tộc làm bức tường,
Chớ nên để cho tường thành hư đổ,
Một mình chơ vơ rất đáng lo sợ.*

Đặng (To rộng)

Bài thơ “Đặng”, vua Triệu Mục Công thương triều vua Chu Lệ vương bại hoại. Vua Lệ vô đạo, thiên hạ rộng lớn, nên làm bài thơ này.

To rộng

*Ông trời to rộng,
Là vị chúa tể của dân.
Ông trời lại bạo ngược,
Mệnh trời có lắm điều bất chính.
Ông trời sinh ra nhân dân,
Mà mệnh lệnh có khi chẳng đáng tin
Ban đầu lệnh trời không bao giờ có điều
chẳng lành.
Nhưng loài người ít kẻ lấy đạo lành để sống
cho trọn.
Say sưa thì như thế thì hành vi cử chỉ đã có
lỗi.
Vua lấy ngày làm đêm không lo việc triều
chính
Say sưa như thế thì hình dáng cử chỉ đã có
lỗi.*

Bất kể sáng bất kể tối,
Vừa gào vừa la.
Lấy ngày làm đêm.
Vua Văn vương than rằng:
Thật đáng tiếc cho vua Trụ nhà Ân Thương!
Không phải trời đã tạo ra thời buổi chẳng
lành này,
Mà tại nhà Ân không dùng đúng phép tắc cũ
của tiên vương.
Tuy không có bề tôi hiền tài như cũ,
Nhưng phép tắc xưa vẫn còn.
Mà thường thì vua chẳng áp dụng theo.
Nên mệnh trời to tác của nhà Ân bị sụp đổ.
Nhà Ân xem gương chẳng bao xa,
Là gương vua diệt nhà Hạ.

Ức

Bài thơ “Ức”, Vua Vệ Vũ công chê trách vua Chu Lệ vương, cũng là để tự dặn mình.

Ức

Chẳng muốn làm bậc hùng mạnh hay sao?
Để thiên hạ ở bốn phương noi theo mà học
tập.
Nếu có đức hạnh ngay thẳng và lớn lao,
Thì được các nước ở bốn phương thuận
tùng.
Kính trọng lấy uy nghi của mình,
Rồi mới làm phép tắc chung cho toàn dân
được.
Phải cẩn thận lời mình nói ra,
Phải cung kính lấy uy nghi của người
Không có việc gì là không yên ổn tốt lành.
Viên ngọc khuê còn có tí vết,

*Thì còn có thể mài cho sáng được,
Lời nói còn có chỗ sai sót,
Thì không thể cứu vãn được.*

Tang nhu (Cây dâu um tùm)

Bài thơ “*Cây dâu um tùm*”, lời Nhuế bá chê trách vua Chu Lệ vương.

Cây dâu um tùm

*Lòng buồn rười rượi,
Hi nhớ đến quê hương, nơi ta sinh ra và lớn
lên.
Ta sinh không gặp thời,
Lúc trời nổi cơn thịnh nộ.
Từ phía tây đi sang phía đông.
Không có đâu ở yên được.
Người xưa cũng có lời nói:
Thời loạn lạc tới lui đều cùng quẫn.
Chỉ có những người hiền lương này,
Thì chẳng được tìm đến.
Chỉ có những kẻ nhẩn tâm kia,
Thì được nhà vua tưởng đến.
Gió to thổi có đường lối,
Kẻ tham lam là loài hư hỏng xấu xa.
Ta khuyên bảo thì kẻ tham bạo phản đối,*

Vân hán (Sông Ngân hà)

Bài thơ “*Sông Ngân hà*”, Nhung Thúc khen ngợi vua Chu Tuyên vương. Tuyên vương kê tục sự nghiệp tệ hại của vua Lệ vương, ông muốn trừ sạch loạn lạc trong nước. Thấy tai họa mà kinh sợ, nằm không yên, lăn qua trở lại lo tu thân để tiêu trừ tai họa ấy vui mừng thấy vương hóa được phục hồi, nhân dân làm bài thơ này, nói

thay vua.

Sông Ngân hà

*Sông Ngân kia lớn lao thay,
Chiếu sáng và di chuyển ở trên trời.
Vua nói: Than ôi!
Nhân dân có tội tình chi,
Mà trời gieo rắc tình trạng tán loạn?
Liên tục mất mùa đói kém.
Không một vị thần nào không được cầu
cúng.
Đâu tiếc cúng thịt súc vật,
Kể cả cúng vật quý như ngọc khuê ngọc
bích.
Tại sao các thần không nghe lời cầu xin của
ta.*

Tung cao (Ngọn núi cao)

Bài thơ “*Ngọn núi cao*”, Ông Doãn Cát Phủ ca tụng vua Chu Tuyên vương. Thiên hạ yên bình trở lại, tái kiến đất nước, thân cận với các nước chư hầu, biết sử dụng hiền tài là nhờ ông Thân Bá.

Ngọn núi cao

*Vì ngọn núi cao cho thần giáng hạ,
Sinh ra ông Thân bá và ông Phủ hầu
Thân bá và Phủ hầu,
Làm rường cột cho nhà Chu.
Đức hạnh của ông Thân bá,
Dịu dàng thuận hòa lại chính trực.
Có thể cai trị được vạn nước,
Ông Thân bá nổi tiếng khắp bốn phương.*

Chung dân (Dân đông)

“Dân đông”, Ông Doãn Cát Phủ ca tụng vua Chu Tuyên vương. Tín nhiệm nhân tài, trung hưng nhà Chu.

Dân đông

Trời sinh ra dân chúng,
Thì ưa chuộng cái đức hạnh tốt đẹp.
Trời đã xem nhà Chu,
Đem cái đức hạnh của trời xuống đời.
Trời giúp đỡ thiên tử nhà Chu,
Nên mới sinh ra bậc hiền tài Trọng Sơn Phủ.
Đức hạnh của ông Trọng Sơn Phủ,
Dịu dàng giữ phép tắc.
Uy nghi và đẹp đẽ.
Cẩn thận cung kính.
Những mệnh lệnh uy nghiêm của nhà vua,
Được Trọng Sơn Phủ vâng theo cho thi hành.
Vận mệnh các nước an nguy tốt xấu.
Chỉ có ông Trọng Sơn Phủ biết rõ.
Để phụng sự một ông vua.
Theo thói thường, người ta nói,
Gặp cái mềm thì ăn nuốt,
Gặp cái cứng thì nhả ra,
Chỉ có ông Trọng Sơn Phủ,
Gặp cái mềm cũng không ăn nuốt (không hiếp đáp) Gặp cái cứng cũng không nhả ra.
Nên ông không coi thường người quan quã,
Không sợ kẻ bạo ngược.
Người ta cũng nói,
Đức hạnh nhẹ như sợi lông.
Mà nhân dân ít ai có thể thi hành được

Chỉ có ông Trọng Sơn Phủ thi hành được mà thôi.

Ta thường mển ngài mà không giúp gì ngài được.

Cho đến nhiệm vụ của vua có điều chi khiếm huyết sai lầm,

Thì cũng chỉ có ông Trọng Sơn Phủ bỏ tấc được mà thôi.

Chiêm ngưỡng (Ngưỡng trông)

Bài thơ “*Ngưỡng trông*”, chê trách vua Chu U vương làm hại nước.

Ngưỡng trông

Ngưỡng trông trời cao rộng,

Giáng xuống cuộc loạn lạc này.

Cả nước không còn yên ổn,

Thì nhân dân chịu nhiều đau khổ

Người ta có ruộng đất,

Thì trái lại vua giành lấy.

Người ta có nhân dân,

Thì trái lại vua cũng giết lấy.

Người đáng là vô tội thì trái lại vua bắt giam.

Còn kẻ có tội, thì trái lại vua tha cho.

Đàn ông có trí thì gây dựng nước nhà,

Đàn bà có trí thì làm nghiêng thành đổ nước.

Người phụ nữ đẹp và có trí,

Chỉ là giống chim cú, chim vọ.

Phụ nữ mà hay nói hay bàn,

Từng bước chỉ tạo nên loạn lạc.

Loạn lạc không từ trời giao xuống,

*Mà phát sinh từ phụ nữ.
Vì lời của phụ nữ không phải để dạy dỗ.
Đáng phải lưu ý đến phụ nữ và hoạn quan.
Như việc tích trữ hàng hóa để kiếm lời gấp
ba lần,
Mà người quân tử cũng biết đến.
Người phụ nữ không làm việc nhà nước,
Mà bỏ việc nuôi tằm dệt vải để tham gia việc
triều đình
Vua không thương dân khi gặp thời chẳng
lành,
Uy nghi của vua lại không cẩn thận giữ gìn
đẹp để.
Người tài nói bỏ đi trốn,
Thì nước nhà sẽ lụn bại rồi tiêu vong.*

CHU TỤNG

Thanh miếu (Miếu thờ uy nghi)

Bài thơ “*Miếu thờ uy nghi*”, cúng tế vua Chu Văn vương. Chu công đã dựng xong Lạc ấp, triệu tập các vua chư hầu đến châu, làm lễ cúng tế Văn vương. Ôi, làm lễ ở thanh miếu, cung kính hòa hảo thay!

Miếu thờ uy nghi

*Người dự tế đông đảo tập nập,
Đều theo cái đức của vua Văn vương,
Văn vương là một vị thần ở trên trời.*

Chấn lộ (Bầy cò bay san sát)

Bài thơ “*Bầy cò bay san sát*”, nói chuyện con cháu hai nhà, nhà Hạ và nhà Thương đến trợ tế tổ tiên nhà Chu.

Bầy cò bay san sát

*Bầy cò bay san sát nhau,
Trên mặt Tây hồ.
Khách của ta đang đến,
Dung mạo đoan trang.*

Ung (Hòa nhĩ)

Bài thơ “*Hòa nhĩ*”, thiên tử làm lễ tế tổ tiên.

Hòa nhĩ

*Có người rất hòa nhĩ đến,
Hình dáng rất cung kính.
Để làm trợ tế cho thiên tử,
Còn thiên tử thì vẻ rất nghiêm trang.*

Hữu khách (Khách đến)

Bài thơ “*Khách đến*”, Ông Vi tử đến trợ tế miếu thờ Văn vương.

Khách đến

*Khách đến khách đến,
Với con ngựa bạch.*

Chú thích:

Khách: ở đây là ông Vi tử, con cháu nhà Thương bị nhà Chu diệt. Ông Vi tử là người tốt được nhà Chu kính trọng, cho thờ nhà Thương. Nhà Thương chuộng màu trắng.

Kính chi (Kính thay)

Bài thơ “*Kính thay*”, quần thần răn bảo nói tiếp theo vua.

Kính thay

*Kính thay! Kính thay!,
Đạo trời tỏ rạng.
Gìn giữa mệnh trời không dễ dàng,
Đừng bảo trời ở tít trên cao,
Ngày ngày trời luôn lên xuống xem việc con người.*

LỖ TỤNG

Bí cung (Sâu kín)

Bài thơ “*Sâu kín*”, ca tụng năng lực của ông Hi công phục hồi gia nghiệp của Chu công.

Sâu kín

*Vua nói: Đây chú,
Ta lập con trưởng của chú.
Làm vua chư hầu nước Lỗ,
Hãy mở mang phát triển.
Để góp vào việc củng cố nhà Chu ta.
Rồi lệnh cho Lỗ công,*

*Làm vua chư hầu nước Lỗ ở phía đông.
Ban cho núi sông,
Ruộng đất chung quanh.*

Trường phát (Phát triển dài lâu)

Bài thơ “Phát triển dài lâu”, ca tụng vua.

Phát triển dài lâu

*Vua Thành Thang ra đời chưa bao lâu,
Mà đức sáng ngày một cao.
Soi chiếu đến trời mãi mãi,
Kính thờ thượng đế,
Nên được thượng đế giao làm khuôn phép
cho cả chín châu
Không gấp gáp, không trễ nãi,
Không cứng, không mềm,
Truyền bá chính sách ra rộng rãi.
Cho nên trăm điều phước lộc đều tụ lại nơi
người.*

THƯƠNG TỤNG

Ân vũ (Khôi phục nhà Ân)

Bài thơ “Khôi phục nhà Ân”, cúng tế Cao tông có công trung hưng nhà Thương Ân.

Khôi phục nhà Ân

*Trời khiến xuống xem xét nhân dân,
Cho nên dân chúng cũng nghiêm chỉnh.
Không xâm phạm, không quá lạm.
Không nhàn nhẽ lười biếng.*

*Thì trời cho gồm thâu cả thiên hạ.
Lập nên những sự nghiệp to lớn.
Kinh đô nhà Thương rất nghiêm chỉnh.
Làm hình mẫu cho tứ phương.*

QUẢN THU TRỊ YẾU QUYỂN 4

Tĩnh nghiệp học nhân Thích Tĩnh Không bổ sung

XUÂN THU TẢ THỊ TRUYỆN QUYỂN THƯỢNG

Các bậc quân tử bình luận rằng: “Dĩnh Khảo Thúc thực là một người con hiếu thảo, yêu thương mẹ của mình, còn lan rộng đức hiếu đến Trang công (danh hiệu của vua cổ đại Trung Quốc). Trong Kinh Thi có nói: “Đức hạnh của người con có hiếu vô tận, thì đáng ban phước lành cho con cháu mãi mãi”. Đại khái thứ muốn nói đến ở đây có lẽ chính là tình huống này.

Các bậc quân tử bình luận rằng: “Lòng trung thực không phải xuất phát từ sâu trong lòng, thì trao đổi con tin có ích lợi gì chứ. Nếu như hai bên rộng lượng tin tưởng, thông cảm cho nhau sau đó hành sự, lại lấy lễ nghĩa tăng thêm sự ràng buộc, cho dù không có con tin làm vật thế chấp đi nữa, thì làm gì có ai có thể ly gián họ chứ? Chỉ cần trong lòng con người chứa đầy lòng thành và sự tôn kính. Suối chảy trong khe núi, cỏ hoang, các loại rau dại như bèo tấm, cây ngải, thảo mộc ở đầm lầy; các dụng cụ như giỏ tre, sọt tre, cái vạc ba chân; ao nước tù đọng và những giọt nước mưa ở trên đường, đều có thể tiến dâng lên quý thần và vương công, hướng chỉ các bậc quân tử kí kết tín nhiệm giữa hai nước với nhau, theo lễ nghĩa mà hành sự, thì cần gì đến con tin? Trong Kinh Thi phần Quốc Phong có thiên Thái Phồn, Thái Bình, trong phần Đại Nhã có phần Hành Vĩ, Huýnh Chúc, chính là để làm sáng tỏ lòng trung thành và sự thành thật đầy thôi.

Tổng Mục Công bị bệnh, triệu kiến đại tư mã Không Phụ Gia, đem việc lập Thương công làm vua phó thác cho Không Phụ Gia, ông nói: “tiên vương Tuyên công vứt bỏ đi con trai Dự Di (chính là Tống Thương công sau này) mà lập ta lên làm vua, ta luôn ghi lòng tạc dạ. Nếu như nhờ vào phúc khí của ngài, trí nhớ của tôi được giữ nguyên vẹn, mà chết một cách yên lành (đến cõi âm địa phủ), giả như Tuyên công hỏi ta về Dự Di, vậy ta biết trả lời ngài ấy như thế nào đây? Mong ngài hậu hạ Dự Di, để chủ trì đất nước. Ta dù chết đi cũng không còn gì nuối tiếc nữa”. Không Phụ Gia trả lời Mục công rằng: “Quần thần đều đồng ý hậu hạ Công tử Phùng, con trai của ngài!” Mục công nói: “Không được, tiên vương Tuyên công cho rằng ta là người tài đức, để cho ta làm vua cai trị đất nước, nếu như ta vứt bỏ đi đức hạnh không nhường ngôi, đấy chính là bãi bỏ đi sự tin tưởng của tiên vương, làm sao có thể nói ta có đức hạnh thiện lương nữa chứ? Làm rạn vỡ truyền thống đạo đức tốt đẹp của tiên vương, có thể không dốc hết lòng mà làm việc sao? Xin ngài đừng bãi bỏ đi công lao sự nghiệp của tiên vương!” Do đó lệnh cho Công Tử Phùng đi đến sinh sống ở nước Trịnh. Ngày 5 tháng 8 âm lịch, Tống Mục Công qua đời, Thương công Dự Di lên ngôi.

Các bậc quân tử bàn luận rằng: “Tống Tuyên công có thể nói là người có khả năng quan sát phẩm hạnh và tài năng của con người. Lập em trai Mục công làm vua, nhưng con trai ông ấy vẫn có thể được hưởng ngôi vương, đây là nguyên do là di ngôn và mệnh lệnh của ông ấy xuất phát từ đạo nghĩa Trong Kinh Thi - Thương Tụng - Huyền Diệu viết rằng: “Triều Ân truyền thụ thiên mệnh hợp với đạo nghĩa, cho nên mới thừa hưởng vô số phúc lộc!” đại khái nhắc đến có lẽ là tình huống này!

Đại phu Thạch Thác khuyên ngăn Trang công, ông nói: “Thần nghe nói nếu yêu quý con trai thực sự, thì dùng đạo lý

để dạy bảo nó, không để nó bước vào con đường tà đạo. Kiêu ngạo, xa xỉ, không tiết chế, buông thả, chính là lối dẫn vào con đường tà đạo. Căn nguyên của bốn hành vi xấu xa này, là vì nuông chiều và hưởng thụ bổng lộc chức tước quá độ mà thành. Nếu như sắp tới lập Châu Hu làm người kế thừa, thì phải giải quyết những điều đó, nếu như những điều đó vẫn chưa được giải quyết, tương lai sẽ dần dần hình thành tai họa. Những người được yêu chiều nhưng không kiêu ngạo, kiêu ngạo nhưng khi địa vị bị suy giảm vẫn có thể ổn định được, địa vị bị suy giảm nhưng không oán giận, oán giận nhưng có thể tự kiểm soát bản thân mình, là rất hiếm. Hơn nữa người thấp kém phương hại người tôn quý, người nhỏ tuổi ức hiếp người lớn tuổi, người không thân li gián người thân cận, người mới chia rẽ người cũ, đất nước nhỏ bé xâm lăng đất nước lớn mạnh, gian ác phá hoại đạo nghĩa, đây chính là 6 loại hành vi trái với chính đạo. Bậc vua hành sự hợp với đạo nghĩa, thần dân nhận lệnh thi hành; phụ thân đôn hậu, con trai hiếu thuận; huynh trưởng hiền lành thương yêu, em trai cung kính, đây là sáu mối quan hệ thích ứng với quy phạm luân lý. Vứt bỏ đi chính đạo mà đi theo nghịch đạo, đây chính là nguyên nhân khiến tai họa rất nhanh mà đến. Với tư cách là một vị vua lãnh đạo nhân dân một nước, cần phải dốc sức loại bỏ tai họa, nhưng bây giờ lại khiến nó đến nhanh hơn, e rằng là không thỏa đáng!” Trang công không nghe theo sự khuyên ngăn. Con trai của Thạch Thác là Thạch Hậu và Châu Hu thường xuyên qua lại với nhau, Thạch Thác ngăn chặn Thạch Hậu qua lại với Châu Hu, nhưng không ngăn chặn được. Sau khi Vệ Hoàn công lên ngôi vua, Thạch Thác đã cáo lão về hưu.

Thạch Thác phái người đến nước Trần mật báo nói: “Nước Vệ nhỏ hẹp, tôi tuổi đã già, không thể làm gì cả. Hai người này (Châu Hu và Thạch Hậu), thực sự đã sát hại quân vương của nước chúng tôi, tôi mạo muội thỉnh cầu các ngài nhân cơ hội trừng trị bọn họ”. Người nước Trần liền bắt lấy hai người

này, và yêu cầu nước Vệ phái người quá bộ đến nước Trần giải quyết. Tháng 9, nước Vệ đã phái Hữu Tể Sữu quá bộ đến Bộc Địa thuộc nước Trần giết chết Châu Hu. Thạch Thác phái gia thần của ông ấy là Nậu Dương Kiên đến nước Trần giết chết Thạch Hậu. Các bậc quân tử bàn luận nói: “Thạch Thác là một vị đại thần hoàn toàn trung thành với đất nước. Ông ấy căm ghét Châu Hu mà liên đới căm ghét cả con trai Thạch Hậu, người đã chung tay với Châu Hu làm loạn. Câu thành ngữ “quân pháp bất vị thân” nói đến có lẽ chính là trường hợp này”.

Trong Thương Thư viết rằng: ‘sự lan tràn của các hành vi xấu xa, giống như hết như lửa cháy bùng bùng lan ra cả cánh đồng vậy, không thể đến gần, lẽ nào còn có thể tiêu diệt được sao?’ Chu Nhậm từng nói: “người cai quản đất nước, nhìn thấy các hành vi xấu xa, giống như nông dân ắt phải diệt cỏ vậy, nhổ và xếp đồng nó lên, đào tận gốc rễ của nó, đừng để nó sinh trưởng trở lại, như vậy lòng lương thiện có thể được kéo dài.

Lỗ Ân công trung cầu ý kiến với Chúng Trọng về việc có liên quan đến thị tộc. Chúng Trọng trả lời rằng: “Thiên tử lập đức cho chư hầu, căn cứ theo tình huống tổ tiên người đó xuất hiện mà ban thưởng họ (tánh thị) cho họ, phong đất đai mà ban thưởng tiếp cho người theo dòng họ đó. Chư hầu lấy chữ này làm thành thụy hiệu, hậu thế của người đó vì vậy cho rằng là đó là thị tộc. Tên chính thức của tổ tiên có công trạng, hậu thế của họ sẽ lấy tên chính thức này làm thành thị tộc. Cũng có người lấy đất đai được phân phong làm thành thị tộc”. Lỗ Ân công liền ra lệnh lấy tên tổ phụ của Vô Hãi (Công Tử Triễn) làm thị tộc, tức là TriễnThị.

Lễ, là dùng để cai trị đất nước, ổn định xã tắc, làm cho nhân dân có trật tự, làm lợi cho hậu thế sau này. (Các nước khác làm trái với lễ pháp mà thảo phạt chúng) nhận tội thì bỏ qua cho chúng, cân nhắc đức hạnh mà xử lý, suy xét sức lực mà thi hành, vận dụng đúng thời cơ mà hành động, không liên

lụy đến người đời sau, có thể nói là có tri thức hiểu lẽ nghĩa rồi.

Trịnh Trang công lệnh cho trong quân đội 100 người trích ra một con heo đực, 25 người trích ra một con chó và một con gà, để tế thần nhằm nguyên rửa người đã bắn chết Đinh Khảo Thúc. Các bậc quân tử bàn bạc rằng: “Trịnh Trang công đã đánh mất đi chính lệnh và hình phạt. Chính lệnh là dùng để cai trị nhân dân, hình phạt là dùng để uốn nắn những hành động gian ác. Vừa thiếu hụt chính trị có đạo đức, lại không có hình pháp uy nghiêm, do đó mới nảy sinh ra gian ác. Xuất hiện gian ác nhưng lại tế thần nguyên rửa chúng, như vậy có ích gì cho tương lai chứ!”

Giữa nước Trịnh và nước Túc vì ngôn ngữ không nhất quán mà xảy ra bất hòa, vua nước Túc tiến đánh nước Trịnh. Trịnh Trang công và vua nước Túc đánh trận ở biên giới, quân đội nước Túc thất bại thảm hại mà quay về. Các bậc quân tử vì lẽ đó mà biết được nước Túc tương lai sẽ bị diệt vong. Không cần nhắc đức hạnh, không suy xét lực lượng, không họ hàng thân thuộc, không phân rõ lời nói thị phi, không kiểm tra thực hư có tội hay không. Đã phạm vào năm loại sai lầm này, ngược lại còn đi thảo phạt người khác, như vậy thua trận chẳng phải là lẽ đương nhiên sao?

Tang Ai Bác khuyên can, nói: “Bây giờ loại bỏ đi đạo đức mà dựng nên tà ác, đem đồ vật nhận hối lộ cất trong thái miếu, như vậy rõ ràng là làm tấm gương xấu cho bách quan. Bách quan noi theo như vậy mà làm, vậy còn có thể nghiêm trị ai chứ? Sự suy bại của đất nước, là từ quan lại làm trái pháp luật, không làm tròn bổn phận; quan lại thất đức, là do tư lợi cá nhân và hối lộ công khai. Cốc đỉnh đặt ở trong thái miếu, còn việc nhận hối lộ nào rõ ràng hơn việc này chứ? Võ vương tiêu diệt triều Thương, đem cửu đỉnh chuyển đến Lạc Dương nghĩa sĩ còn cho rằng làm như vậy là không đúng, huống hồ gì đem đồ vật nhận hối lộ - vật biểu lộ rõ ràng tà ác phiến loạn - đặt ở trong thái miếu, như thế làm sao mà được chứ?”

Quan nội lại triều Chu nghe được chuyện này nói: “Hậu thế của Tang Tôn Đạt (Tang Ai Bác) ở nước Lỗ chắc chắn có thể hưởng tước lộc lâu dài! Quốc vương đi ngược lại với quy chế lễ nghĩa, Tang Ai Bác vẫn không quên dùng đạo đức để khuyên can ông ấy”.

Mệnh danh (đặt tên) dùng để biểu thị nghĩa, nghĩa sản sinh ra lễ, lễ là bộ phận chính để xử trí chính sự, chính sự là dùng để chấn chỉnh nhân dân. Vì vậy, chính sự thành công thì nhân dân nghe theo, làm trái với nó ắt sẽ nảy sinh ra loạn lạc.

Sư Phục nói: “Ta nghe nói thiết lập đất nước, gốc rễ phải lớn mà cành lá phải nhỏ, do đó nó có thể được vững chắc. Cho nên thiên tử phân phong đất đai thành lập chư hầu, chư hầu phân thái ấp cho “khanh đại phu” xây dựng nhà cửa, khanh thiết lập thê thiếp, đại phu có nhị tôn, sĩ có con cháu hầu hạ, nông dân, công nhân, thương nhân mỗi người đều có thân thích trong bốn phận của mình, đều có thứ bậc. Do đó nhân dân dốc hết lòng nghe theo những người ở cấp trên, thì những người ở cấp dưới sẽ không có những mưu tính không nên có.

Hiền thần Lý Lương ngăn cản nói: “thần nghe nói những nước nhỏ có thể chống lại nước lớn, là vì nước nhỏ có đạo đức còn nước lớn hoang dâm vô độ. Cái gọi là đạo đức, chính là trung với nhân dân và có lòng thành với thần linh. Những người ở trên, nghĩ đến lợi ích của bách tính, chính là trung; Chúc Lại (quan lại chăm lo việc tế tự ngày xưa) chủ trì tế tự cầu khẩn phải cầu nguyện thành thật, đây là tín. Nhân dân là chủ nhân của thần linh, do đó thánh vương trước tiên làm cho nhân dân giàu có sau đó mới dốc lòng thờ cúng thần linh. Ba mùa Xuân, Hạ, Thu không có thiên tai, nhân dân hòa thuận và mùa màng bội thu; quân thần, nhân dân đều có đạo đức tốt đẹp và không có ý nghĩ bất chính muốn chống lại; dốc sức vào vụ mùa, làm sáng tỏ mối quan hệ ngũ luân (năm quan hệ luân lí phong kiến: vua tôi, cha con, anh em, chồng vợ, bạn bè), gần gũi với họ hàng

thân thuộc của người đó, và lại dốc lòng vào tế tự thần linh, do đó nhân dân hòa thuận và thần linh giáng phúc xuống cho họ, cho nên làm việc gì cũng thành công. Bây giờ trong lòng nhân dân có những suy nghĩ gian dối riêng, vậy quỹ thần mất đi chủ nhân, quân vương mặc dù tự mình thờ cúng đầy đủ thịnh soạn, như vậy đi nữa thì cũng sẽ chẳng cầu xin được phước lành gì.

Lỗ Hoàn công hỏi ý kiến đại phu Thân Nhu về việc đặt tên cho con. Thân Nhu trả lời rằng: “Đặt tên có 5 kiểu: Hữu tín, hữu nghĩa, hữu tượng, hữu giả, hữu loại. Dùng tình huống lúc sinh mà đặt tên gọi là tín; dùng những từ có điềm lành để đặt tên gọi là nghĩa; lấy những vật tựa như nhau để đặt tên gọi là tượng; mượn tiếng từ tên gọi của vạn vật để đặt tên gọi là giả; từ những sự việc có liên quan đến phụ thân để đặt tên gọi là loại”. Hoàn công nói: “Ngày sinh của đứa trẻ này cùng ngày sinh với ta, vậy đặt tên cho nó là ‘Đồng’”.

Chu Sở vương năm thứ 40, tức mùa xuân năm 701 trước công nguyên, khi mạc ngao (một quan hàm nước Sở xưa) Khuất Hà sắp liên kết đồng minh hai nước Nhị và Chấn với nhau, quân đội của nước Vân đã đóng doanh trại quân đội ở Bồ Tao, chuẩn bị kết hợp 4 nước Tùy, Giảo, Châu, Liễu lại với nhau tiến đánh nước Sở. Phó tướng của Khuất Hà là Đâu Liêm góp ý khuyên răn, ông nói: “Người nước Vân đóng quân ở ngoại thành, mà quân của bốn nước còn lại có thể sáng đi chiều đến, nước Vân nhất định khinh địch không chuyên tâm cảnh giới, giả như thần đem đội quân tinh nhuệ ban đêm tấn công vào kinh đô nước Vân, nước Vân chắc chắn phòng thủ ở thành mà chờ quân cứu viện, một lòng trông mong vào quân cứu viện chắc chắn sẽ mất đi ý chí chiến đấu, nếu như nước Vân đứng đầu bị đánh bại thì có thể dễ dàng đánh giành được thắng lợi với 4 áp còn lại”. Nhưng Khuất Hà muốn thỉnh cầu Sở vương tăng viện.) Đâu Liêm phản đối, nói: “Quân đội giao chiến quyết định ở ý chí một lòng, không quyết định bởi binh

lính nhiều hay ít. Quân đội của Thương Trụ vương tập hợp đông nhưng đối địch không lại với đội quân ít ỏi của Chu Võ vương, điều này chắc chắn ngài cũng biết”.

Xin quẻ là dùng để phán đoán những nghi hoặc, không có nghi hoặc, hà tất phải xin quẻ chứ?

Các bậc quân tử bàn bạc nói: “nếu như không theo kịp chữ tín, thì liên kết đồng minh cũng không có lợi ích gì. Trong Thi Kinh có nói: “Các bậc quân tử hết lần này đến lần khác liên kết đồng minh, tai họa cũng từ đó mà nảy sinh ra”. Đây chính là vì không có chữ tín.

Mạc ngao Khuất Hà người nước Sở tiến đánh nước La, đại phu Đấu Bác Tỉ tiến Khuất Hà. Lúc Đấu Bác Tỉ quay về, nói với người đánh xe của mình rằng: “Khuất Hà chắc chắn sẽ thất bại. Lúc ông ấy đi đường, chân nhấc lên rất cao, lòng phòng địch không còn kiên định nữa”. Do đó Đấu Bác Tỉ yết kiến Sở Võ vương, nói: “nhất định phải phái thêm quân viện trợ!” Chu Võ vương khước từ lời đề nghị của Đấu Bác Tỉ. Sở Võ vương về cung nói với vợ của mình là Đặng Mạn. Đặng Mạn nói: “Đại phu Đấu Bác Tỉ đại khái không phải nói muốn tập hợp quân đội nhiều, thứ ông ấy nói là quân vương phải lấy chữ tín để làm yên lòng nhân dân, lấy đạo đức tốt đẹp để răn dạy các quan chức, và dùng hình pháp để khiến cho mạc ngao sợ hãi. Khuất Hà thỏa mãn với thắng lợi của trận Bò Tao, sắp tới sẽ tự cho cách nhìn và cách làm của mình là đúng mà chuyên quyền độc đoán, nhất định sẽ xem thường nước La. Quân vương nếu như không tăng thêm sự giám sát đôn thúc, ông ấy có lẽ sẽ không bố trí phòng bị! Đại phu Đấu Bác Tỉ đến là muốn nói quân vương phải răn dạy chúng quan và giám sát đôn đốc họ, triệu tập các quan chức lại và lấy những đạo đức tốt đẹp động viên khuyến khích họ, gặp mặt Khuất Hà và nói với ông ấy rằng trời sẽ không khoan thứ cho lỗi lầm của ông ấy. Nếu không phải như vậy, đại phu Đấu Bác Tỉ lẽ nào không biết quân đội

của nước Sở chúng ta toàn bộ đã xuất chinh rồi hay sao?” Võ vương sai người nước Lại đuổi theo Khuất Hà, nhưng không đuổi kịp.

Mạc ngao Khuất Hà phái người ở trong quân đội tuyên cáo: “Những người khuyên ngăn phải chịu hình phạt!” Đến Yên Thủy, qua sông một cách hỗn loạn mất trật tự, do đó đội quân không xếp theo thứ tự, mà còn không bố trí phòng thủ. Đến nước La, quân đội của nước La và Lư Nhung đánh từ hai mặt vào đội quân nước Sở, khiến đội quân nước Sở thất bại thảm hại. Mạc ngao bị treo cổ ở khe núi hoang vắng. Các tướng lĩnh khác tự giam mình ở Dã Phù chờ kết án. Sở Võ vương nói: “Đây là lỗi lầm của ta”. Do đó đã đặc xá cho tất cả các tướng lĩnh còn lại.

Tề Tương công lên ngôi, hành vi không chuẩn tắc. Đại phu Bào Thúc Nha nói: “Quân vương phóng đảng, nhân dân ngao mạn, tai họa và loạn lạc sắp xảy ra rồi”. Liền đưa công tử Tiểu Bạch lẫn trốn đến nước Cử.

Lỗ trang công mùa xuân năm thứ 10, quân đội của nước Tề tiến đánh nước Lỗ chúng ta. Lúc Trang công sắp xuất binh nghênh chiến, Tào Quệ thỉnh cầu yết kiến Trang công. Người đồng hương của Tào Quệ nói: “Các đại quan sẽ hiến kế cho việc này, người hà tất phải tham gia vào!” Tào Quệ nói: “Những người làm quan lớn tầm nhìn hạn hẹp, không thể đưa ra những tính toán sâu xa được”. Do đó vào cung yết kiến. Tào Quệ hỏi Trang công: “Dựa vào cái gì để tác chiến với nước Tề”. Trang công nói: “Y phục, đồ ăn, những thứ dùng để an thân, ta không dám thụ hưởng một mình, nhất định phân chia cho những người khác”. Tào Quệ nói: “Những ân huệ nhỏ nhặt chưa thể đến được với công chúng, nhân dân sẽ không nghe theo lời của ngài”. Trang công nói: “Cúng tế dùng súc vật và khuê ngọc, vải vóc, không dám tự tiện thêm vào vượt quá quy định, chắc chắn sẽ thành tín thực sự” Tào Quệ nói: “Đó chỉ là chữ

tín nhỏ nhất, không thể lấy được sự tin tưởng của thần linh, thần linh sẽ không giáng phúc phù hộ”. Trang công nói: “Các vụ án kiện tụng lớn nhỏ, mặc dù không thể nhìn thấu suốt, không oan khuất từng vụ một, nhưng nhất định xử lý một cách chân thực dựa trên tình hình thực tế”. Tào Quệ đáp lời: “Đó là trung thành tận lực vì nhân dân phục vụ, có thể dựa vào điểm này đánh một trận. Lúc chiến đấu, xin cho thần được đi theo lên phía trước”. Lỗ trang công và Tào Quệ ngồi cùng một chiếc xengựa chiến, tác chiến với quân địch ở Trường Thục. Khi Trang công chuẩn bị đánh trống, Tào Quệ nói: “Vẫn chưa phải lúc”. Sau khi quân Tề 3 lần đánh trống, Tào Quệ nói: “Có thể đánh trống rồi”. Quân Tề thất bại thảm hại. Khi Trang công chuẩn bị đánh xe truy đuổi quân Tề, Tào Quệ nói: “vẫn chưa phải lúc”. Tào Quệ bước xuống khỏi xe, thận trọng kiểm tra xem xét dấu tích của vết hằn bánh xe mà quân Tề chạy qua, sau đó lên xe, tựa vào xà ngang, dõi theo quân Tề ở phía xa, nói: “Có thể đuổi theo rồi!”, ngay sau đó liền đuổi theo quân Tề. Sau khi chiến thắng, Lỗ Trang công hỏi Tào Quệ nguyên do thắng lợi, Tào Quệ trả lời rằng: “Việc tác chiến, tất cả là nhờ vào dũng khí của chiến binh. Khi lần thứ nhất đánh trống có thể làm phấn chấn dũng khí của chiến binh, lần thứ hai đánh trống dũng khí sẽ suy yếu dần, lần thứ ba đánh trống dũng khí đã tiêu tan hết rồi. Dũng khí của đôi phương tiêu tan hết nhưng dũng khí của chúng ta đang tràn trề, cho nên chiến thắng được bọn họ. Nước Tề là một nước lớn, khó có thể đoán được quỷ kế của bọn họ, sợ rằng họ có phục kích. Thần xem xét kĩ lưỡng thấy vết bánh xe của họ hỗn loạn, dõi theo họ từ phía xa thấy lá cờ đầu của bọn chúng rớt xuống, cho nên truy đuổi theo”.

Mùa thu, nước Tống xảy ra nạn lụt. Trang công phái sứ giả đi thăm hỏi người dân gặp nạn, ông nói: “Ông trời trút xuống lượng mưa quá lớn, làm tổn hại đối với hoa màu và trăm loại ngũ cốc, làm sao có thể không nhớ thương bách tính

như thế chứ?” Tống Mẫn công trả lời rằng: “Ta quả thực là không thành kính với trời, nên trời mới giáng tai họa xuống, vì vậy mà khiến quốc vương của quý quốc lo âu, kính nhận tình nghĩa sâu nặng, quả thực không dám”. Tang Văn Trọng nói: “Nước Tống có vẻ sắp hưng thịnh rồi! Hạ Vũ, Thương Thang nhận tội trạng về mình, cho nên triều đại ra đời và phát triển mạnh mẽ; Hạ Kiệt, Thương Trụ đổ tội cho người khác, cho nên bị diệt vong nhanh chóng. Và lại các nước xảy ra thiên tai, quốc vương tự xưng là “cô” (một cách tự xưng của vua ở một triều đại cổ đại Trung Quốc), đây là hợp với lễ nghĩa. Lời nói hoảng hốt mà xưng “hu” cũng là hợp với lễ nghĩa, đại khái cũng như nhau!” Không lâu sau lại nghe được lời nói như thế này: “Đây là lời nói của công tử Ngư Thuyết. “Tang Tôn Đạt nói: “Người này thích hợp làm vua, vì ông ấy có tấm lòng yêu quý nhân dân”.

Lúc trước, ở trong cổng Nam của đô thành nước Trịnh, một con rắn ở trong cổng thành và một con rắn ở ngoài cổng thành đánh nhau, con rắn ở trong cổng thành bị cắn chết. Bằng đi 6 năm, Lê công về nước lên ngôi. Lỗ Trang công nghe nói đến việc này, liền hỏi Thân Nhu rằng: “việc này có liên quan đến yêu quái hay không?” Thân Nhu trả lời: “Bởi vì con người có nỗi sợ, hơi thở của con người phát ra ngọn lửa thu hút yêu quái, sự phát sinh của yêu quái là do con người tạo thành. Nếu như bản thân con người không có thiếu sót, yêu quái không thể tự mình đến được. Con người vứt bỏ đi những quy tắc nhất định, yêu quái sẽ nổi dậy, cho nên mới có yêu quái.

Trong Thương Thư có viết: “sự lan tràn của những hành động xấu xa, giống như ngọn lửa lớn cháy lan cả cánh đồng vậy, không thể lại gần được, thì làm sao có thể dập tắt nó chứ!”

Khi bị ai và khoái lạc không phù hợp, tai vạ nhất định sẽ đến. Đối mặt với tai vạ mà quên mất phiền lo, phiền lo chắc chắn sẽ ập xuống trên người.

Kính Trọng (một đại thần nước Tề) mời Tề Hoàn công đến phủ của ông ấy uống rượu, tửu lượng của hai người rất cao, lại nói chuyện với nhau rất vui vẻ, cho nên uống mãi cho đến khi trời tối. Hoàn công nói: “đốt đèn lên chúng ta tiếp tục uống thêm vài ly”. Kính Trọng khước từ, ông nói: “Thần chỉ xủ quẻ cho khách tiệc ban ngày, không hề xủ quẻ cho khách tiệc ban đêm, không biết đó có phải là điềm lành hay không, thần thực sự không dám tiếp tục tiếp rượu ngài”. Hằng công vốn muốn tiếp tục uống, nhưng những câu nói hợp tình hợp lý của Kính Trọng khiến Hoàn công cũng không biết phải trả lời thế nào, chỉ đành lên xe về cung, Kính Trọng cung kính tiễn Hoàn công ra đến ngoài cửa. Quân tử bàn luận nói: “Rượu là dùng để hoàn thành các nghi lễ, không thể tiếp tục quá độ, đây là nghĩa; vì hoàn thành lễ nghi mà uống rượu với quân vương, nhưng không đến mức khiến quân vương sa vào quá độ, đây là nhân”.

Mùa Hạ, Trang công đến nước Tề tham quan, cúng tế Táo quân, điều này không hợp với lễ nghi. Tào Quệ khuyên ngăn, nói: “Ngài không thể đi được. Lễ, là dùng để chỉnh đốn nhân dân. Cho nên liên kết đồng minh là pháp quy để dạy dỗ chỉ bảo giữa bề trên và cấp dưới, chế định tiêu chuẩn của sự giàu có; yết bái là nghi thức dùng để sửa chữa sắp xếp tước vị, tuân theo trình tự lớn bé; chinh phạt là dùng để tiến đánh những người không tôn kính bề trên. Chư hầu yết bái thiên tử, thiên tử kiểm tra xem xét chư hầu bốn phương, do đó hiểu rõ đại lễ pháp mà tiếp kiến và yết bái. Nếu như không phải là những điều này, quốc vương sẽ không xuất hành. Sự xuất hành của quân vương nhất định phải được ghi chép vào thư tịch. Ghi ghép nhưng lại không đúng phép tắc, thì có tư cách gì để thị phạm cho con cháu đời sau noi theo chứ?”

Cần kiệm là đức tính lớn nhất trong đức hạnh; xa xỉ là hành vi xấu nhất trong các hành vi xấu xa. Tiên vương vốn là người có công đức lớn, nhưng ngài lại khiến tiên vương sa

vào nơi của những người độc ác xấu xa, thần e rằng như vậy là không thể”.

Những lễ vật mà đàn ông khi yết kiến mang theo, lớn thì là ngọc khuê, vải vóc lụa là, nhỏ thì là chim chóc, dùng các loại lễ vật khác nhau để chứng tỏ cấp bậc giàu nghèo. Những lễ vật mà phụ nữ mang theo khi yết kiến, chẳng qua cũng chỉ là quả phỉ, hạt dẻ, táo, thịt khô, dùng để biểu thị sự cung kính mà thôi. Bây giờ nam nữ dùng chung những lễ vật giống nhau, như vậy không còn có sự khác biệt nữa. Có sự khác biệt giữa nam và nữ, là lễ tiết lớn nhất của đất nước.

Hễ là thiên tai, khi cúng tế chỉ dùng vải dệt, mà không dùng súc vật làm vật lễ. Các thảm họa không phải Nhật thực, Nguyệt thực thì không đánh trống.

MÃN CÔNG

Thiên tử không phải vì tuyên dương đạo đức tín nghĩa mà không ra ngoài cúng tế, chư hầu không phải vì sự tình của nhân dân mà không thể xuất hành, quan chức không có mệnh lệnh của vua thì không được đi ra ngoài biên giới của quốc gia,

Trọng Tôn nói: “Họa nạn không chấm dứt, tương lai ắt sẽ tự chịu diệt vong, ngài chờ mà xem!” Tề Hoàn công nói: “Có thể đánh chiếm nước Lỗ hay không?” Trọng Tôn trả lời rằng: “Không thể. Bọn họ vẫn nắm giữ lễ pháp của triều Chu. Lễ pháp của triều Chu, là nền tảng để xây dựng đất nước. Thần từng nghe qua câu nói như thế này: Đất nước sắp bị diệt vong, giống như thân đại thụ nhất định phải làm cho nó ngã xuống trước, sau đó cành lá mới theo đó mà rơi xuống. Nước Lỗ không vứt bỏ lễ pháp của triều Chu, thì không thể động vào họ được. Ngài nên bắt tay vào làm ổn định họa nạn của nước Lỗ đồng

thời tiếp cận họ. Tiếp cận đất nước có lẽ nghi, dựa vào đất nước ổn định vững chắc, li gián đất nước mà nội bộ phản loạn, diệt vong đất nước bạo loạn u ám, đây chính là kế hoạch và sách lược chung để hoàn thành sự nghiệp bá vương”.

Không có đức hạnh lại có cơ hội hưởng phúc, đây là tai ương. Tai ương sắp sửa đến rồi.

Tu dưỡng đức hạnh của bản thân, không đi chỉ trích người khác, thì sẽ tránh được việc gặp họa nạn.

Vệ Văn công mặc quần áo làm từ vải thô, đội nón làm từ lụa thô, ra sức trồng trọt cây lấy gỗ, dạy bảo nông dân siêng năng canh tác, tạo điều kiện cho tiểu thương, tạo thuận lợi cho đủ loại nghề thủ công, tôn trọng việc giáo hóa, khích lệ học tập, truyền dạy đạo làm quan đến các quan lại, tin tưởng giao nhiệm vụ cho người tài cán. Lúc lên ngôi năm thứ nhất, chỉ có 23 chiếc xe ngựa chiến mà Tề Hoàn công ban cho; đến những năm cuối thời Vệ Văn công, do có phương pháp cai trị đất nước, đã có tất cả 300 xe ngựa chiến.

Mùa Hạ, nước Hề di chuyển tới Di Nghi, quân chư hầu giúp họ xây dựng thủ phủ, cứu giúp họ thoát khỏi nghịch cảnh bị Nhung Địch (cách gọi thời xưa một tộc người tàn bạo ngang ngược ở ngoài biên giới Tây Bắc - ngoại tộc người Nhung và ngoại tộc người Địch) xâm lược. Hề là thủ lĩnh của chư hầu, đều phải cứu giúp thoát khỏi họa hoạn, gánh vác một phần tai vạ, thảo phạt tội phạm, điều này là hợp với lễ nghĩa.

Tề Hoàn công đem quân của 8 nước chư hầu sắp xếp thành chiến trận, cùng với Khuất Hoàn cưỡi chung một chiến xa, kiểm duyệt quân ngũ. Tề Hoàn công nói: “ta điều khiển bọn họ đến chẳng nhẽ là vì một mình ta sao? Là vì kế thừa mối quan hệ bạn bè thâm giao mà tiên vương đã lập nên. Nước của ngài cùng chúng tôi kết tình thâm giao, ngài thấy thế nào?” Khuất Hoàn trả lời rằng: “Được quốc vương quá bộ đến thăm tề quốc (cách

xung hô khiêm tốn về nước mình đối với người khác), cầu thần ban phúc cho cho xã tắc của tề quốc, hạ thấp thân phận thu nạp quốc vương chúng tôi (kết thâm giao), đây chính là ước vọng của quân vương nước chúng thần!” Tề Hoàn công lại chỉ về phía chiến trận, nói: “Đem nhiều tướng sĩ như thế này đi đánh trận, ai có thể chống cự lại chứ? Dùng nhiều chiến sỹ như này đi tiến đánh vào thành trì, có thành trì nào mà không thể đánh bại được?” Khuất Hoàn trả lời: “Nếu như ngài dùng đức hạnh để dẹp yên chư hầu, vậy thì ai dám không phục chứ? Nếu như ngài muốn dùng sức mạnh quân sự để tấn công, vậy thì nước Sở sẽ coi núi Phương Thành như thành lũy, coi sông Hán như thành hào để canh phòng đất nước, tướng sĩ của ngài có nhiều như thế nào đi nữa, e rằng cũng chẳng có ích lợi gì!”

Quý thần không hề yêu thương một người nào đó cố định, mà chỉ phù hộ cho những người có đức hạnh. Cho nên trong Chu Thư nói: “Ông trời không có thân bằng quyền thuộc, chỉ giúp đỡ những người có đức hạnh”. Còn nói: “Lúa tặc cúng tế không thể tính là vật có hương thơm, phẩm đức tốt đẹp mới chính là hương thơm tỏa khắp bốn phương”. Lại nói: “Nhân dân không cần phải thay đổi đồ cúng tế, chỉ có phẩm chất đạo đức tốt mới là đồ cúng tế tốt nhất”. Như vậy xem ra, nếu như quân vương đi ngược lại với đạo đức, thì nhân dân sẽ không hòa thuận, thần linh sẽ không hưởng dụng đồ cúng tế của quân vương. Những thứ mà thần linh dựa vào đó để phù hộ, nằm ở chỗ những người có đức hạnh.

Quản Trọng nói với Tề Hoàn công: “Thần nghe nói khi chiêu hàng những quốc gia vẫn chưa quy phục, cần dùng lễ nghĩa; dẹp yên các vùng đất thuộc địa xa xôi, cần dùng ân đức. Bất cứ việc gì chỉ cần không ngược lại với đạo đức và lễ nghĩa, thì không có nơi nào là không quy phục. “Tề Hoàn công liền dùng lễ nghĩa mà đối đãi các nước chư hầu, các quan lại của chư hầu đã chấp nhận các đặc sản mà nước Tề ban tặng.

Quản Trọng ngăn cản, nói: “Quân hầu dùng lễ nghĩa và thành tín để hội tụ chư hầu, nhưng kết quả lại dùng gian kế của Thái Tử Hoa, như vậy e rằng là không hay! Nhi tử không làm trái với mệnh lệnh của phụ thân gọi là lễ, tiếp nhận mệnh lệnh của quân vương, coi tình hình mà hành sự gọi là tín. Đi ngược lại với lễ tín, đã chính là tội ác lớn nhất rồi”. Tề Hoàn công nói: “Quân chư hầu tiến đánh nước Trịnh, vẫn chưa giành được thắng lợi, bây giờ nếu như có kẻ hở để lợi dụng, thì lợi dụng cơ hội này không phải là được rồi sao?” Quản Trọng nói: “Quốc vương nếu như dùng chính sự có ích cho nhân dân để dẹp yên nước Trịnh, lại thêm dạy dỗ chỉ bảo, (nếu như nước Trịnh còn từ chối không chấp nhận) thì dẫn đầu quân chư hầu thảo phạt họ. Lúc đó nước Trịnh muốn cứu vớt nguy cơ bị diệt vong cũng không còn kịp nữa, sao lại không sợ bị thảo phạt chứ? Ngược lại, nếu như mang theo tội đồ của nước Trịnh là Thái Tử Hoa đến vây quanh nước Trịnh, vậy nước Trịnh đã có cơ rồi, còn sợ gì ngài nữa chứ. Huống chi ngài hội tụ chư hầu là vì tôn sùng đức hạnh, bảo vệ chính nghĩa. Nếu như chư hầu liên kết đồng minh nhưng lại để cho một tiểu nhân gian xảo dối trá là Thái Tử Hoa nằm trong các chư hầu, còn làm sao có thể là tấm gương lưu truyền hậu thế chứ? Phàm là việc các chư hầu gặp gỡ lẫn nhau, những việc có liên quan đến chư hầu như đức hạnh, hình phạt, lễ pháp, đạo nghĩa, không có việc nào mà các nước chư hầu không cẩn thận ghi chép. Nếu như ghi chép lại việc có sự tham gia của kẻ tiểu nhân gian xảo, vậy thì hiệp ước đồng minh của ngài sẽ bị bãi bỏ rồi. Sự việc đã được làm xong nhưng lại không thể nhìn thấy ở trong ghi chép, thì không thể biểu thị đức hạnh vĩ đại của ngài”.

Nước Trịnh có ba vị hiền nhân là Thúc Chiêm, Đỗ Thúc và Sư Thúc chấp chính, thì không thể đi chê trách nước Trịnh được.

Mùa Hạ, liên kết đồng minh ở Quy Khuru, ôn lại đồng minh cũ, đồng thời điều chỉnh phát triển quan hệ thâm giao,

điều này là phù hợp với lễ nghĩa. Chu Tương vương phái Tề Không tặng cho Tề Hoàn công thịt cúng, nói: “Thiên tử cúng tế Văn vương và Võ vương, sai thần đến tặng cho bác cử (các vua triều Chu gọi các chư hầu khác họ) thịt cúng”. Khi Tề Hoàn công chuẩn bị bước xuống quỳ bái tiếp nhận. Tề Không nói: “Vẫn còn mệnh lệnh sau đó nữa, thiên tử sai thần nói: ‘Vì bác cử tuổi tác đã cao, lại là người có công lao, thưởng thêm một cấp, không cần phải bước xuống quỳ bái’” Tề Hoàn công đáp lời: “Uy nghiêm của thiên tử ở ngay trước mặt ta, khoảng cách gần trong gang tấc, ta làm sao dám ngông cuồng viển vào mệnh lệnh của thiên tử mà không bước xuống quỳ bái chứ? E rằng ta sẽ hủy hoại uy nghiêm của Chu vương vào việc này, làm cho thiên tử bị nhục nhã, ta làm sao dám không bước xuống quỳ bái?” Ngay sau đó liền bước xuống, quỳ bái, tiến vào trong phòng, nhận lấy thịt cúng.

Chỉ có hành vi phù hợp với pháp quy mới có thể ổn định đất nước. Trong Kinh Thi viết: “Không hiểu biết về quy luật vận hành của trời đất nhưng lại thuận theo ý trời một cách tự nhiên”. Nói đến ở đây chính là Văn vương. Trong Kinh Thi lại viết: “Đôi xử với mọi người một cách chân thật, không hại người, đa số đều được người khác lấy làm gương mẫu để noi theo”. Nói đến ở đây chính là không có yêu thích cũng không có ghét bỏ, không nghi kỵ cũng không hiềm thạnh.

Lễ, là nòng cốt của đất nước; kính, là phương thức hành lễ. Con người không kính cẩn thì các quy tắc lễ nghi không thể phát triển rộng được, lễ nghi không được phát triển rộng khắp thì trên dưới sẽ hỗn loạn, làm sao có thể duy trì lâu dài được chứ?

Chu Tương vương dùng lễ nghi tiếp đón thượng khanh mà bài trí yến tiệc chiêu đãi Quản Trọng, Quản Trọng khước từ, nói: “Thần tử là một chức quan nhỏ hèn mọn, thượng khanh của nước chúng ta có Quốc tử, Cao tử được thiên tử bổ nhiệm,

nếu như các ngài ấy hai mùa xuân thu đến phụng lệnh của quốc vương, thì lấy lễ tiết gì để đối đãi các ngài ấy chứ? thần thỉnh cầu được khước từ đãi ngộ này”. Tương vương nói: “bác cứu, ta ca ngợi công trạng của ngài, tiếp thu đạo đức tốt đẹp của ngài, những thứ này có thể nói là sâu sắc và không thể lãng quên được. Thực hiện chức vụ của ngài đi, đừng có làm trái với mệnh lệnh của ta”. Quản Trọng cuối cùng chấp nhận lễ nghi chiêu đãi hạ khanh sau đó về nước.

Các bậc quân tử bàn bạc nói: “Quản Trọng đòi đòi kiếp kiếp được hưởng thụ thờ cúng là cực kì thích đáng. Nhún nhường và không quên những người có tước vị cao hơn mình. Trong Kinh Thi viết: “Quân vương tốt với đức tính vui vẻ hòa thuận khiêm tốn giản dị, thần linh sẽ phù hộ cho mọi việc thành công”.

Mùa đông, nước Tấn xảy ra tình trạng mất mùa trên diện rộng, sai người đến nước Tần đề nghị mua lương thực. Tần Mục công hỏi Bách Lí: “Có nên bán cho họ không?” Bách Lí trả lời rằng: “Thiên tai hoành hành, luôn diễn ra luân phiên ở các nước khác nhau, cứu viện những nơi bị nạn, cứu tế nước láng giềng, đây là đạo nghĩa. Những người hành sự theo đạo nghĩa là những người có phúc”.

Mùa đông, nước Tần xảy ra tình trạng mất mùa, phái người đến nước Tấn thỉnh cầu mua lương thực, người nước Tấn không cho phép. Khánh Trịnh nói: “Ruồng bỏ ân huệ của người khác thì sẽ mất đi những người thân cận mình, vui mừng trên tai họa của người khác là bất nhân, ham muốn nâng niu những thứ của bản thân mình là bất lành, chộc giận nước láng giềng là bất nghĩa. Đánh mất đi bốn loại đạo đức này rồi, thì dùng cái gì để bảo vệ đất nước nữa chứ?” Quắc Xạ nói: “Đa đã không còn nữa, thì lông có thể dựa vào đâu chứ?” Khánh Trịnh nói: “Mất đi chữ tín, phản bội nước láng giềng, nếu như gặp hoạn nạn ai sẽ để cứu tế! Không có chữ tín thì sẽ xảy ra hoạn nạn, mất đi cứu viện thì chắc chắn sẽ bị diệt vong, điều này là không thể tránh khỏi”.

Quắc Xạ nói: “Cho đi lương thực cũng không thể giảm thiểu sự căm hờn của nước Tần đối với chúng ta, ngược lại còn làm cho kẻ địch tăng thêm sức mạnh, tốt hơn là không nên cho”. Khánh Trinh nói: “Phản bội lại thi ân, vui mừng trước thiên tai, là những điều mà nhân dân vứt bỏ đi. Những người thân cận còn vì vậy mà kết thành thù hận, huống chi là kẻ địch có thù hận sâu đậm chứ?” Tấn Huệ công không nghe theo khuyên ngăn của Khánh Trinh. Khánh Trinh lùi xuống nói: “Sắp tới quân vương sẽ hối hận vì quyết định này!”

Nước Tấn gặp phải tình trạng mất mùa, nước Tần vận chuyển gạo đến cho nước Tấn; Nước Tần gặp tình trạng mất mùa, nước Tấn không chịu bán lương thực cho nước Tần. Vì vậy Tần Mục công tiến đánh nước Tấn.

Ngày xưa gặp phải chiến tranh, nhất định dùng những con ngựa kéo xe được sinh ra trong nước, vì chúng sinh ra và lớn lên ở trong đất nước của mình, nên chúng hiểu tâm ý của chủ nhân, sắp xếp theo sự chăm sóc huấn luyện của chủ nhân, quen nếp và hiểu rõ đường xá của nước mình, dù sử dụng ở bất kì nơi đâu, chúng cũng sẽ thuận theo ý của chủ nhân.

Ngày xưa kia lưu vong bên ngoài nhờ vào sự giúp đỡ của bọn họ, về nước kế vị là do lòng yêu quý của họ đối với ngài, gặp phải đói kém ăn lương thực của họ, 3 lần nhận được thi ân nhưng lại không báo đáp, cho nên họ mới xuất binh tiến đánh chúng ta.

Lại Giật có một câu nói như thế này: “Đừng khơi mào tai nạn và rắc rối, đừng lợi dụng tai họa của người khác để giành thắng lợi, đừng làm tăng thêm sự căm phẫn của người khác”. Sự căm phẫn tốt cùng khó mà gánh vác được, ức hiếp sĩ nhục người khác thì sẽ gặp xui xẻo.

Trong Kinh Thi có viết: “Nhân dân gặp phải tai họa, không phải từ trời giáng xuống; trước mặt nói cười nhưng sau lưng

lại ghen ghét lẫn nhau, tai họa chủ yếu gây ra bởi sự ganh đua và mưu cầu của chính bản thân con người”.

Trong Kinh Thi viết rằng: “Tu dưỡng đức hạnh đầu tiên là làm gương mẫu cho vợ con, từ đó lan rộng đến làm tấm gương sáng cho các anh em, tiến tới lấy đó để cai quản mỗi một gia đình, mỗi một quốc gia”.

Nước Tùy dựa vào lực lượng của các nước chư hầu ở phía đông sông Hán để phản bội nước Sở. Mùa đông, Đẩu Cốc Vu Thảo của nước Sở thống lĩnh quân đội tiến công vào nước Tùy, sau khi giảng hòa với nước Tùy thì về nước. Các bậc quân tử nói: “Nước Tùy bị tấn công, là vì không ước lượng sức mạnh của nước mình. Ước lượng sức mạnh của nước mình lớn bé như thế nào sau đó mới bắt đầu hành động, thì sẽ ít sai lầm hơn. Thành bại là do bản thân mình tạo ra, chẳng lẽ lại nằm ở chỗ người khác hay sao?

Tu sửa thành lũy, giảm bớt ăn uống, tiết kiệm chi tiêu, dốc sức vào việc đồng áng, khuyến nhủ mọi người bỏ thói giúp đỡ lẫn nhau, đây mới là những việc nên làm. Vì vậy, năm này, mặc dù mất mùa nhưng bá tánh không hề bị ảnh hưởng.

Lúc xưa, Khi Chu Bình vương dời đô về phía đông đến Lạc Dương, Tân Hữu (đại phu nước Chu) đã đến Y Xuyên, nhìn thấy những người tóc dài ngang lưng xõa rũ rượi đang cúng tế ở nơi hoang dã, liền nói: “Không tới 100 năm nữa, e rằng nơi đây sẽ trở thành nơi cư trú của ngoại tộc người Nhung! (Bây giờ) lễ nghi của Trung Nguyên đã dần dần mất đi rồi”.

Phú Thần nói với Chu Tương vương rằng: “Xin ngài kêu gọi hoàng tử Đái (em cùng cha khác mẹ với Chu Tương vương) trở về. Trong Kinh Thi nói: “Hòa thuận vui vẻ với nước láng giềng, hôn nhân thân thích mới có thể thực sự thân tình’. Giữa anh em chúng ta với nhau không hòa thuận, thì làm sao có thể oán trách các nước chư hầu không hòa thuận với hoàng tộc

được chứ? “Chu Tương vương nghe xong rất vui mừng, hoàng tử Đái từ nước Tề quay về lại kinh đô, chính là Chu Tương vương kêu gọi ông ấy quay về.

Lỗ Di công mùa xuân năm thứ 24, tháng đầu tiên (tháng giêng) của lịch pháp triều Chu vương, Tần Mục công tiễn công tử Trùng Nhĩ về lại nước Tấn. Trong Xuân Thu không có ghi chép lại sự việc này, vì nước Tấn không thông báo cho nước Lỗ biết việc Trùng Nhĩ trở về nước. Đến bên bờ Hoàng Hà, Tử Phạm lấy ngọc bích giao cho công tử Trùng Nhĩ, nói: “Thần đất dây cương ngựa đi theo ngài lưu lạc khắp thế gian, tội của thần quá nhiều rồi, chính bản thân thần còn biết điều đó, huống hồ gì là ngài chứ? Xin cho phép thần đến đây được rồi đi”. Công tử Trùng Nhĩ nói: Nếu như không cùng cữu phù (cậu) chung một lòng (cam chịu bị trừng phạt), thần sông có thể chứng giám”. Ngay sau đó liền cầm ngọc bích ném xuống Hoàng Hà.

Lúc trước, Tấn Văn công có một thị thần tên là Đầu Tu, chuyên quản lý tài vụ. Khi Trùng Nhĩ (tức Tấn Văn công) lưu vong ở nước ngoài, Đầu Tu đã lấy trộm tiền của bỏ trốn, dùng tất cả những tiền tài vật chất này để tìm cách giúp Trùng Nhĩ về nước (nhưng không thành công, liền ở lại trong nước). Đợi đến khi Trùng Nhĩ về nước lên ngôi, Đầu Tu xin yết kiến. Tấn Văn công thoái thác nói đang gọi đầu (không chịu gặp Đầu Tu). Đầu Tu nói với gia nô phụ trách việc thông báo rằng: “Khi gọi đầu, trái tim sẽ bị đảo ngược lại, tim đã bị ngược, thì suy nghĩ cũng sẽ trái ngược theo, không còn bình thường nữa, ta không được tiếp kiến cũng là điều dễ hiểu. Những người lưu lại trong nước là những người bảo vệ đất nước, những người đi theo lưu lạc bên ngoài cũng chỉ là đầy tớ cống hiến sức lực cho việc cầm dây cương ngựa mà thôi, bọn họ đều được tin tưởng và giao nhiệm vụ cho, hà cớ gì lại trách tội những người lưu lại trong nước chứ? Thân là quân vương mà lại coi nhân dân là thù địch, thì những người sợ hãi trước quân vương chắc sẽ rất

nhieu”. Gia nô thuật lại những điều này cho Văn công, Văn công nghe xong lập tức tiếp kiến Đầu Tu.

Người Định tiền Quý Ngỗi về nước Tấn, nhưng yêu cầu để hai người con trai của bà ấy lại. Tấn Văn công đem một người con gái là Triệu Cơ gả cho Triệu Thôi, sinh ra Triệu Đồng, Triệu Quát, Triệu Anh Tề, thái ấp của họ lần lượt ở ba nơi Nguyên, Bính và Lâu. Triệu Cơ thỉnh cầu đón nhận Triệu Thuần và mẫu thân của ông ấy trở về, Triệu Thôi khước từ không chịu đón về. Triệu Cơ nói: “Kết nạp được thê thiếp mới và quên đi những điều tốt đẹp của người cũ, sau này làm biết phải sử dụng những người khác như thế nào? Nhất định phải đón họ trở về”. Triệu Cơ cương quyết thỉnh cầu, Triệu Thôi cuối cùng cũng đồng ý với Triệu Cơ. Sau khi đón Thúc Ngỗi và Triệu Thuần về, Triệu Cơ cho rằng Triệu Thuần là người có tài, kiên quyết thỉnh cầu Triệu Thôi đưa Triệu Thuần lên làm con trai trưởng, và để ba người con mà bà ấy sinh ra xếp phía dưới Triệu Thuần, lại để Thúc Ngỗi làm chính thất, còn bản thân ở dưới địa vị của Thúc Ngỗi.

Tấn Văn công ban thưởng cho những người đã cùng lưu vong với ông ấy, Giới Chi Thôi không hề đề cập đến bổng lộc và chức quyền, bổng lộc và chức quyền cũng không phong thưởng cho ông ấy. Giới Chi Thôi nói: “con trai của Hiến công có 9 người, chỉ có mỗi quân vương (vua) còn tồn tại thôi. Huệ công, Hoài công không có người thân tín, cả trong và ngoài nước đều vứt bỏ hai người họ. Ông trời không để cho nước Tấn không người nối dõi, thế nào cũng sẽ có quân vương. Người chủ trì nước Tấn cúng tế, không phải là quân vương thì còn có thể là ai chứ?” đây quả thực là ông trời sắp xếp lập ông ấy làm quân vương, nhưng có những người lại nghĩ rằng đó là nhờ vào năng lực của bản thân, đây không phải là lừa dối người khác sau? Ăn cướp tiền tài vật chất của người khác, còn gọi là cường đạo, huống chi là tham lam giành công lao với trời mà cho rằng đó

sức lực của bản thân chứ? Những người ở dưới xem tội tham lam công lao cũng người khác là hợp lý, những người ở trên tiến hành ban thưởng cho hành vi gian tà của những người ở dưới, trên dưới lừa gạt lẫn nhau, như vậy thì khó có thể chung sống với bọn họ rồi”. Mẫu thân của Giới Chi Thôi nói: “Tại sao không đi cầu xin được ban thưởng? Cứ như vậy chết đi, còn trách móc ai chứ?” Giới Chi Thôi trả lời rằng: “Biết rõ là lệch lạc những vẫn đi làm theo, tội càng thêm nặng. Với lại miệng con nói ra những lời oán trách, không thể “ăn” những bổng lộc như thế này được”. Mẫu thân ông ấy nói: “Cũng phải để cho quân vương biết chứ, con thấy như thế nào?” Giới Chi Thôi trả lời mẫu thân rằng: “Nói chuyện, vốn dĩ là để che đậy hành vi của mình. Bản thân sắp từ chức về ở ẩn rồi, thì cần gì phải che đậy nữa chứ”. Làm như vậy là đi cầu xin hiển đạt (từ thời xưa chỉ những người có tiếng nói và địa vị cao trong giới quan lại) đấy!” Mẫu thân ông ấy nói: “Con có thể làm được như vậy không? (nếu như có thể làm được) vậy thì ta cũng sẽ cùng con ẩn cư”. Thế là hai mẹ con Giới Chi Thôi bắt đầu sống ẩn dật, cho đến lúc chết. Tấn Văn công sai người đi tìm kiếm, nhưng không tìm được, liền ban cánh đồng bông tơ cho Giới Chi Thôi (làm thành tế điền), Tấn Văn công nói: “Lấy việc này để ghi nhớ sai lầm của ta, đồng thời dùng để ca ngợi người tốt”.

Anh em tranh cãi với nhau ở nhà, một khi bước ra bên ngoài là cùng nhau đồng lòng chống lại những ức hiếp sỉ nhục từ bên ngoài.

Tai không thể nghe được xướng họa của ngũ thanh (5 loại thang âm của âm nhạc thời cổ đại) là tai bị điếc, mắt không phân biệt được đồ trang trí của ngũ sắc là mắt bị mù, trong lòng không học tập noi theo chuẩn tắc đạo đức tín nghĩa là ngang bướng và bất phục tùng, miệng không nói những lời trung tín là gian xảo dối trá.

Vào mùa đông, sứ giả của Chu Tương vương đến nước Lỗ báo cáo về họa nạn đã xảy ra, nói: Bất cốc (tự tự xưng khiêm tốn của các vương tộc thời cổ đại) không có đức hạnh, mạo phạm tới người con trai được mẫu hậu cưng chiều là hoàng tử Đái, bây giờ sống ở một nơi hoang vắng trên nước Trịnh rộng lớn, mạo muội báo cáo sự tình này lên thúc phụ,” Tang Văn Trọng trả lời: “Thiên tử lánh nạn ở bên ngoài, (tộc quốc) làm sao dám không gấp rút đi thăm hỏi xung quanh chứ?” Chu Tương vương sai Giản Sư Phù đi báo cáo với nước Tấn, phái Tả Yên Phù đến nước Tần thông cáo. Đất đai khắp nơi đều nằm dưới sự thống trị của thiên tử, cho nên thiên tử vốn không hề đi ra khỏi đất nước, trong Xuân Thu ghi chép rằng: “Thiên tử đi ra khỏi đất nước đến định cư ở nước Trịnh” có nghĩa là để né tránh họa nạn do em trai cùng cha khác mẹ tạo nên. Thiên tử gặp nạn, mình mặc áo không nhuộm màu, tự xưng là “bất cốc”, điều này là hợp với lễ nghi. Trịnh Văn công và các đại phu Khổng Tương Sừ, Thạch Giáp Phù, Hầu Tuyên Đa đến Tị Địa thăm hỏi các quan lại của thiên tử, xem xét những đồ dùng dâng lên cho thiên tử sử dụng, sau đó mời Chu Tương vương lắng nghe những chính sự liên quan đến nước Trịnh, điều này là phù hợp với lễ nghi.

Ngày trước Chu công, Thái công phụ tá vương triều nhà Chu, ở hai bên giúp đỡ Thành vương. Thành vương thăm hỏi hai người họ, ban thưởng cho họ hiệp ước đồng minh, nói: ‘Con cháu từ thế hệ này sang thế hệ khác, đừng xâm phạm lẫn nhau.’ Hiệp ước đồng minh này vẫn còn cất giữ ở trong minh phủ, do thái sử phụ trách quản lý.

Ngoan cố cường bạo và vô lễ, không thể để cho người đó thống lĩnh quân đội và nhân dân.

Triệu Thôi nói: “Ưa chuộng lễ nghi và âm nhạc lại còn coi trọng Thi, Thư. Thi, Thư là phủ kho nơi cất chứa hàm ý và quan điểm của từ ngữ, văn chương; lễ nghi và âm nhạc, là

chuẩn tắc của đạo đức; đạo đức lễ nghĩa, là gốc rễ của lợi ích. Trong Hạ Thư viết: “Những lời nói có ích thì tiếp nhận hết thảy, xem xét một cách rõ ràng tỉ mỉ về hiệu quả làm việc của chúng; nếu như có công lao và thành tích, thì dùng ngựa xe quần áo thưởng công cho người đó”.

Nhân dân vẫn chưa hiểu đạo nghĩa, thì cuộc sống vẫn chưa thể ổn định; nhân dân vẫn chưa hiểu chữ tín, thì chưa thể hoàn toàn hiểu rõ tác dụng của chữ tín; nhân dân vẫn chưa hiểu lễ tiết, thì vẫn chưa thể nảy sinh lòng cung kính. Đợi đến khi nhân dân tin vào mệnh lệnh và không mê muội, sau đó mới sử dụng họ. Cho nên trong trận Thành Bộc, nước Tấn mới xung bá chư hầu, đây đều là kết quả từ việc nước Tấn lấy đức dạy bảo người dân mà có được. Dừng lại đúng lúc; biết khó mà rút lui; không thể ngăn cản những người có đức hạnh.

Trời giáng họa xuống nước Vệ, quân vương và thần dân bất hòa với nhau, cho nên mới gặp phải hoạn nạn khôn khó như thế này. Bây giờ trời gọi mở cho con người ý nguyện của mình, để mọi người đều rút bỏ đi thành kiến, mà phục tùng lẫn nhau. Nếu như không có những người lưu lại ở trong đất nước, thì ai sẽ đứng ra bảo vệ đất nước chứ? Không có những người cùng theo quân vương xuất hành, ai sẽ bảo vệ những người chặn thả gia súc đây? Vì không chung sống hòa thuận, do đó trước mặt tôn thần cầu xin hiểu rõ được minh ước, để hướng dẫn dạy bảo ý trời đến với mọi người. Từ kí kết minh ước ngày hôm nay trở về sau, những người lưu vong theo quân vương đừng ỷ vào công lao của bản thân, những người lưu lại trong đất nước đừng sợ bị bắt tội. Ai làm trái lại với minh ước này, tại họa sẽ giáng xuống đầu của người đó. Thần linh và tiên vương ở trên cao, sẽ trừng phạt những người như vậy”. Những người ở trong nước khi biết về minh ước này, thì không còn muốn thay lòng đổi dạ nữa.

Trong lúc diễn ra trận Thành Bộc, đội quân ở giữa của quân Tấn gặp phải gió lớn ở đầm lầy, thất lạc mất lá cờ lớn ở cánh trái của đội quân phía trước. Do đó Kỳ Mạn vi phạm vào quân lệnh, tư mã (quan hàm) giết chết Kỳ Mạn, đồng thời thông báo đến với chư hầu, ngoài ra phái Mao Bái thay thế Kỳ Mạn. Ngày 16 tháng 6 khi quân Tấn trên đường trở về nước, vượt qua Hoàng Hà, Châu Chi Kiều tự ý về nước trước, do đó Sĩ Hội thay mặt đảm nhiệm đội quân bên phải. Mùa Thu, ngày binh thân, quân đội chiến thắng trở về, hát vang bài ca chiến thắng tiến vào nước Tấn, ở trong thái miếu tế thần và báo cáo về số lượng quân địch đã bắt và giết được, thiết đãi ăn uống, luận công ban thưởng; sau đó triệu tập chư hầu hội minh (hội xưa chư hầu gặp nhau để kết thành đồng minh), thảo phạt đất nước thay lòng đổi dạ. Giết Châu Chi Kiều đồng thời thông báo đến toàn quốc, nhân dân do đó mà hết lòng nghe theo. Các bậc quân tử đánh giá Tấn Văn công rằng: “Ông ấy có thể trừng trị kẻ có tội một cách nghiêm minh, đã giết đi ba người có tội là Điền Hiệt, Kỳ Mạn, Châu Chi Kiều, nhân dân lại một lòng vâng theo. Kinh Thi viết: “Dành ân huệ cho đất nước trung nguyên, ổn định chư hầu bốn phương” chính là nói không đánh mất đi việc thưởng phạt công bằng chính trực.

Tấn Văn công bị bệnh, người hầu của Tào Cộng công là Hầu Nậu hồi lộ thế nhân (chức quan phụ trách việc coi bói) của Tấn công, muốn ông ấy nhân cơ hội nói giúp cho nước Tào, ông ấy nói với Văn công rằng: “Tề Hoàn công chủ trì cuộc họp liên kết đồng minh và phong lập các quốc gia khác họ, bây giờ quân vương ngài chủ trì cuộc họp liên kết đồng minh nhưng lại làm tiêu biến đi những quốc gia cùng họ. Quân vương đầu tiên được phong lập của nước Tấn - Thúc Chấn Đặc, là con trai của Văn vương; tiên vương Đường Thúc Ngu của nước chúng ta, là con trai của Võ vương. Hơn nữa họp nhất các chư hầu mà tiêu diệt đi các nước anh em, như vậy là không hợp lễ pháp; Nước Tào và nước Vệ từng nhận được lời hứa của quân vương cho phép họ

phục quốc giống nhau, nhưng nước Tào lại không thể cùng chung nước Vệ phục quốc, đây là không giữ chữ tín; tội lỗi như nhau nhưng trừng phạt lại không giống nhau, như vậy là không phù hợp với luật hình. Lễ nghi là dùng để thúc đẩy đạo nghĩa, chữ tín là dùng để giữ gìn lễ nghi, hình pháp là dùng để uốn nắn những điều gian ác. Vứt bỏ đi ba điều này, quân vương sắp tới phải làm như thế nào đây?” Tấn Văn công nghe xong rất phẫn chấn, liền phục lại chức vua cho Tào Cộng công. Ngay sau đó Tào Cộng công liền đến nước Hứa cùng với các chư hầu hội họp liên kết đồng minh.

Mùa đông, Giới Cát Lư (vua nước Giới) đến nước Lỗ, do lần trước không gặp được Hi công, cho nên lại lần nữa đến yết kiến. Nước Lỗ đối đãi với ông ấy rất lịch sự, mở tiệc thịnh soạn hơn lễ nghi bình thường chiêu đãi ông ấy. Giới Cát Lư nghe tiếng bò kêu (âm thanh rất thảm thiết), nói: “Con bò này đã sinh ra ba con bò con, đều đã bị giết đi để cúng tế, cho nên tiếng kêu của nó mới thảm thiết như vậy”. Sau khi đi dò hỏi, quả thực là như vậy.

Vệ Thành công sai người hối lộ Chu Thuyên, Dã Cẩn nói: “Nếu như có thể kết nạp ta làm quốc vương, ta sẽ cho hai người làm khanh (quan hàm) của nước Vệ”. Chu Thuyên và Dã Cẩn giết chết đại phu Nguyên Huyền, quân vương Tử Thích và Tử Nghi. Vệ Thành công về nước, khi đang ở trong thái miếu cúng tế tiên vương, hai người Chu Thuyên và Dã Cẩn đã mặc xong lễ phục của khanh, chuẩn bị sẵn sàng nhận bổ nhiệm, Chu Thuyên vào thái miếu trước, vừa mới bước tới cửa, đột nhiên phát bệnh mà chết. Dã Cẩn nhìn thấy thì khiếp sợ, bèn xin từ bỏ không nhận chức khanh.

Dật Chi Hồ nói với Trịnh Văn công rằng: “Đất nước nguy ngập rồi. Nếu như phái Chúc Chi Vũ đi trước gặp Tần Mục công, quân Tần chắc chắn sẽ rút lui”. Trịnh Văn công nghe theo ý kiến của Dật Chi Hồ (liền mời Chúc Chi Vũ đi gặp vua

nước Tần). Chúc Chi Vũ khước từ, nói: “Lúc thần còn trẻ, còn không bằng người khác; bây giờ già rồi, không đủ sức lực nữa” Trịnh Văn công nói: “Ta không bỏ nhiệm ngài từ sớm, bây giờ đất nước nguy cấp mới tìm đến đòi hỏi ở ngài, đây là lỗi của ta. Nhưng mà nếu như nước Trịnh bị diệt vong, đối với ngài cũng không có lợi, phải không?”. Chúc Chi Vũ sau đó đã đồng ý yêu cầu của Trịnh Văn công.

Buổi tối, có người dùng dây thừng buộc Chúc Văn Vũ lại, thả từ trên thành xuống, đi gặp Tần Mục công, Chúc Văn Vũ nói: “Hai nước Tần, Tấn bao quanh nước Trịnh, nước Trịnh đã biết bản thân sắp bị tiêu diệt rồi. Nếu tiêu diệt nước Trịnh có lợi cho ngài, làm sao dám đem việc này đến làm phiền hà ngài chứ. Vượt qua nước khác mà lấy nước Trịnh ở một nơi xa xôi làm thành khu vực biên giới (của nước Tần), ngài biết như vậy là rất rắc rối, vậy tại sao lại muốn diệt bỏ nước Trịnh để tăng thêm cương vực của nước láng giềng (nước Tấn) chứ? Sức mạnh của nước láng giềng hùng hậu, chính là sự suy yếu lực lượng của ngài. Nếu như ngài bỏ qua việc tiêu diệt nước Trịnh, để nước Trịnh làm chủ con đường phía đông của ngài, sứ giả nước Tần qua lại thăm viếng, nước Trịnh có thể cung ứng tất cả những thứ mà họ thiếu hụt, như vậy đối với ngài cũng chẳng có hại gì. Hơn nữa ngài đã từng ban ơn cho Tấn Huệ công, Tấn Huệ công đồng ý cắt hai nơi Tiêu, Hà dâng cho nước Tần; nhưng ông ấy sáng sớm vượt qua Hoàng Hà về nước, buổi tối liền thiết lập thành rào bằng bùn đất, thi công công sự phòng bị, những điều này ngài chắc chắn đã biết. Nước Tấn khi nào mới biết thỏa mãn? (Bây giờ nước Tấn) đã ở phía đông mở rộng lãnh thổ về nước Trịnh, lại muốn tùy tiện tăng thêm lãnh thổ quốc gia về phía Tây, nếu như không đánh chiếm vào lãnh thổ của nước Tần, thì sẽ lấy đất đai ở đâu chứ? Tiêu diệt nước Trịnh sẽ tổn hại để nước Tần mà lại có lợi cho nước Tấn, mong ngài suy nghĩ về việc này”. Tần Mục công nghe xong rất phân chấn, liền liên minh với nước Trịnh, phái Khởi Tử, Phùng

Tôn, Dương Tôn lưu lại nước Trịnh phòng thủ, ngay sau đó liền rút quân.

Tử Phạm đề nghị truy kích nước Tần. Tấn Văn công nói: “Không được. Nếu như không lực lượng của Tần Mục công, chúng ta sẽ không có được vị trí của ngày hôm nay. Nương nhờ vào sức mạnh của nước khác, trái lại còn làm tổn hại đến họ, điều này là vô đạo đức; làm mất đi quốc gia đồng minh, như vậy là không sáng suốt; lấy hỗn loạn công kích lẫn nhau thay thế cho đoàn kết một lòng, điều này không phải là anh dũng hay uy vũ gì. Chúng ta vẫn nên quay về thì tốt hơn”. Quân Tấn vì vậy cũng rút lui khỏi nước Trịnh.

Mùa đông, Chu Tương vương phái Chu Công Duyệt đến thăm viếng nước Lỗ, nước Lỗ mở tiệc chiêu đãi Chu Công Duyệt, đồ ăn gồm có xương bò thái nhỏ, bánh làm từ gạo trắng, bánh làm từ kê đen, và khối muối hình con hổ. Chu công Duyệt khước từ, nói: “Quân vương của đất nước, thành tựu về văn hóa giáo dục đủ để lấy lòng bốn phương, thành tích về mặt quân sự có thể khiến cho người khác khiếp sợ, mới được chuẩn bị buổi tiệc thiết đãi với đủ loại vật phẩm khác nhau, để tượng trưng cho đức hạnh của ngài ấy; dâng tiến các món ăn với năm hương vị hài hòa, các loại thực phẩm được làm từ gạo thơm ngon và khối muối hình con hổ, để tượng trưng cho công lao sự nghiệp của quân vương. Ta làm sao có thể dám thừa hưởng lễ nghi yến tiệc như này chứ?”

Quốc Trang Tử chấp chính, nước Tề vẫn còn có lễ nghĩa, quân vương vẫn nên đi triều kiến! Thần nghe nói: thuận theo đất nước có lễ nghĩa, chính là bảo vệ đất nước (khỏi bị xâm phạm).

Vua Thuần khi trừng phạt những người có tội đã lưu đày ông Cỗn, nhưng khi tuyển chọn và sử dụng người tài lại dùng lại con trai của ông Cỗn là vua Vũ; Quản Trọng vốn là kẻ thù của Tề Hoàn công, nhưng Tề Hoàn công đã bổ nhiệm Quản Trọng làm tướng và giành được sự thống trị. Khang Cáo viết: “Phụ

thân không yêu thương, con trai sẽ không thành kính; anh trai không thân mật, em trai sẽ không khiêm cung, bọn họ ai cũng có sai lầm nhưng lại không liên quan đến nhau”. Kinh Thi nói: “Khi hái củ cải, cà rốt, đừng xem rễ của chúng như phế liệu mà quăng đi”. Quân vương ngài sử dụng điểm mạnh của những người ấy là được rồi.

VĂN CÔNG

Đạo nghĩa của trung, tín và khiêm nhường. Trung, là biểu hiện cho sự trong sạch về đạo đức; tín, là biểu hiện cho sự vững chắc về đạo đức; khiêm nhường, là nền móng của đức hạnh.

Trong thơ của Nhuế Lương Phu triều Chu nói: “Gió lớn nhanh chóng nhưng mãnh liệt (hủy hoại hoa màu), những người tham lam cũng sẽ phá hoại những người lương thiện. Nghe thấy những lời không liên quan liền phụ họa vào, nghe thấy những lời hay ý đẹp của Thi, Thư liền giống như say rượu, không thể bỏ nhiệm những người có tài năng, ngược lại khiến cho ta làm ra những hành động trái với lẽ phải”. Đây là do lòng tham không đáy tạo ra.

Trong Kinh Thi có viết: “Các bậc quân tử nếu như nổi giận, thì loạn lạc sẽ có thể nhanh chóng được ngăn chặn”, lại nói: “Văn vương hằm hằm giận dữ, ngay sau đó liền chấn chỉnh xong quân đội”. Lãng Thâm khi nổi giận lại không đi tác loạn, ngược lại xung phong xông vào trận địa, dũng mãnh giết kẻ địch, như vậy đã có thể gọi là bậc quân tử rồi.

Tần Mục công vẫn tiếp tục bổ nhiệm Mạnh Minh. Mạnh Minh tiếp tục điều hành chính sự đất nước, mang đến cho nhân dân những đãi ngộ vô cùng hậu hĩnh. Triệu Thành Tử nói

với các vị đại phu rằng: “Quân Tần nếu như lại lần nữa đến xâm phạm, nhất định phải tránh chúng. Mạnh Minh vì lo sợ mà thân trọng thực hiện chính sự có ích cho người dân một cách trong sạch hơn nữa, điều đó là không thể chống đối lại. Kinh Thi nói: “Tuởng nhớ tổ tiên của ngươi, làm trong sạch đức hạnh của ngươi”. Mạnh Minh nhớ rõ hai câu thơ này, ông ấy có thể làm được việc hành thiện tích đức và nỗ lực không ngừng, lẽ nào vẫn còn có người có thể chống lại ông ấy hay sao?”

Lễ nghi phải có thứ tự của nó. Cúng tế là đại sự của quốc gia, đảo lộn trật tự trước sau của quân vương, lẽ nào như vậy là phù hợp với lễ nghi sao? Con trai dù có thông minh uyên bác, thì bài vị của chúng cũng không thể đặt trước bài vị của phụ thân chúng được, điều này đã tồn tại từ rất lâu rồi. Cho nên bài vị của vua Vũ không thể đặt trước bài vị của ông Cồn được, bài vị của Thang (Thương Thang vương - quốc vương lập ra triều Thương) không thể đặt trước bài vị của ông Tiết được, bài vị của Văn vương, Võ vương không thể đặt trước Bất Truật được. Nước Tống xem Đế Ất là người sáng nghiệp, nước Trịnh coi Lệ vương là thủy tổ, đây chính là tôn kính đối với tổ tiên. Cho nên trong Lễ Tụng nói: “Cúng tế 4 mùa trong năm không được buông lơi, không được sai phạm, dâng cúng lên thiên đế, lại dâng cúng lên Hậu Tắc - tổ tiên vĩ đại của chúng ta”. Các bậc quân tử nói như vậy là đúng với lễ nghi, chính là nói mặc dù Hậu Tắc là tổ tiên thân cận, song cũng phải cúng tế thiên đế trước khi cúng tế Hậu Tắc.

Các bậc quân tử từ đó mà biết được: “Tần Mục công với tư cách là một quân vương, khi đề bạt người có tài, thì xem xét toàn diện; khi bổ nhiệm người có tài, thì sẽ chuyên nhất một lòng; Mạnh Minh đã làm hết mình với tư cách là một thần tử, ông ấy nỗ lực không ngừng, có thể vì lo sợ chiến bại mà xem xét lại mình (tiếp cận và ra sức thực hiện những chính

sự có ích cho nhân dân); Tử Tang là người trung thành, ông ấy hiểu rõ người khác, có thể tiến cử hiền thần (cha con Bách Lí Hề). Trong kinh Thi nói: “Phải đi đến đâu để hái cây ngải? ở trong ao đầm, ở trên những bãi cỏ nhỏ. Ở nơi đâu sử dụng nó? Ở trong các buổi lễ tế công tước hầu tước”. Tần Mục công chính là như vậy đề bạc và tin dùng người tài; “Luôn luôn nỗ lực cố gắng không ngừng, để phục vụ duy nhất một mình quân vương”. Mạnh Minh chính là một người như vậy. “Đề lại những sách lược hay cho con cháu, nhằm ổn định và giúp đỡ chúng”, Tử Tang chính là người như thế.

Người nước Tấn lo sợ năm ngoái đã từng thất lễ với Lỗ Văn công, nên cầu xin sửa lại hiệp ước đồng minh. Văn công liền đến nước Tấn, cùng Tấn Tương công kết minh lại từ đầu. Tấn Tương công bố trí yến tiệc chiêu đãi Lỗ Văn công. Trong bữa tiệc đã ngâm bài thơ Thanh Thanh Giả Nga; Trang Thúc đề cho Văn Công bước xuống bậc rồi hành lễ, nói: “Nước nhỏ tiếp nhận mệnh lệnh từ nước lớn, làm sao dám không cẩn trọng trong nghi thức chứ? Quân hầu ban cho chúng tôi đại lễ yến tiệc, còn có gì có thể vui sướng hơn việc này nữa chứ? Niềm vui của nước nhỏ, là được nước lớn chiêu cố ban phát ân huệ”. Tấn Tương công bước xuống bậc từ tạ. Hai người cùng nhau bước lên bậc thang về lại cung điện, sau đó hoàn thành lễ bái. Lỗ Văn công ngâm nga bài thơ Gia Lạc.

Nước Lỗ đến nước Tề đón Khương Thị về làm vợ, nhưng thượng khanh (quan hàm) của nước Lỗ lại không ra trước nghênh đón, như vậy là không đúng với lễ nghi. Các bậc quân tử do đó mà biết được Khương Thị gả đến nước Lỗ sẽ không có kết quả tốt, nói: “Trước đây dùng những lễ tiết cao quý để tặng quà đính hôn, còn bây giờ lại dùng những lễ tiết rẻ mạt để đón bà ấy về, thân phận là phu nhân của quân vương của một nước nhưng lại xem thường bà ấy, lập làm đệ nhất phu nhân nhưng lại không lấy lễ nghi của đệ nhất phu nhân để đối đãi với bà

ấy, khác gì đã phé bỏ bà ấy, phản bội lại tín nghĩa xưa kia và làm tổn hại bà ấy với thân phận là phu nhân của quân vương. Những việc như vậy xảy ra ở nước chư hầu, thế nào cũng sẽ khiến đất nước loạn lạc; xảy ra ở trong gia đình các đại phu, chắc chắn sẽ khiến dòng họ bị diệt vong. Khương Thi không có kết thúc tốt đẹp cũng là lẽ đương nhiên. Trong Kinh Thi nói: “Hãy sợ hãi uy linh của trời, như thế có thể bảo toàn được phúc lộc của mình”. Những điều này là nói đến việc cần kính trọng thân phận phu nhân của chư hầu.

Người nước Sở đã tiêu diệt nước Giang, Tần Mục công vì chuyện này mà mặc thường phục, rời khỏi phòng ngủ chính, ra cư ngụ ở phòng khác, giảm ăn uống thịnh soạn, bỏ đi âm nhạc. Điều này vượt quá các bậc lễ nghĩa cần có. Các đại phu khuyên ngăn, Tần Mục công nói: “Quốc gia đồng minh bị tiêu diệt, trước đó lại không thể đến cứu viện, làm sao dám không thương cảm chứ? Ta cũng là tự cảnh giác thôi”. Các bậc quân tử nói: “Trong Kinh Thi nói: Hai nước Hạ, Thương, chính sự không được lòng dân, vì vậy mà thất bại và bị diệt vong, các nước chư hầu khắp nơi lấy đó làm gương, từ đó tìm hiểu và kiểm tra nguyên nhân của nó, tự kiếm cách để sinh tồn”. Nói đến ở đây có lẽ chính là cách làm này của Tần Mục công.

Dương Xử Phù, vốn là cấp dưới của Thành Quý (Triệu Thôi), cho nên có xu hướng thiên về Triệu thị, mà còn cho rằng Triệu Thuần có nhiều tài cán, nói: “Bổ nhiệm những người có năng lực, chính là lợi ích của quốc gia”. Cho nên đưa Triệu Thuần vào địa vị quan lớn (chỉ huy đội quân ở giữa). Triệu Huyền Tử từ lúc này bắt đầu nắm quyền chính ở nước Tấn, lập ra các điều lệ làm việc, sửa đổi các pháp lệnh về hình phạt, giải quyết các án kiện tụng tồn đọng, thanh tra các tội phạm trốn đi nơi khác, sử dụng các khế ước (làm bằng chứng cho sự ra vào của các loại tài sản), để thanh trừ tệ nạn và những tập tục xấu trong chính trị, khôi phục lại trật tự và các quy định về lễ nghi, xây dựng lại những

chức quan thường nhiệm đã bị phế bỏ đi, đề bạt các hiền tài bị kiềm chế, vùi dập. Sau khi hoàn thành những việc này, thì giao lại cho thái phó Dương Xử Phù và thái sư Giả Nhân, sai họ phổ biến rộng rãi trong nước Tấn, làm thành quy tắc chung.

Tần Mục công Nhiệm Hiếu qua đời, lấy ba người con trai của tộc thị Tử Xa là Yểm Túc, Trọng Hành và Châm Hồ tuần táng theo Tần Mục công. Ba người này đều là những nhân vật kiệt xuất của nước Tề. Nhân dân trong nước đều thương tiếc cho họ, làm bài thơ Hoàng Diệu để nhớ đến họ. Các bậc quân tử nói: “Tần Mục công không thể trở thành minh chủ của các nước chư hầu, cũng là điều dễ hiểu. Vì ông ấy sau khi chết đi, còn sát hại nhân dân. Khi tiên vương rời khỏi thế tục, vẫn lưu lại các quy củ cho con cháu đời sau, hướng hồ gì cướp đoạt đi người tài đức của nhân dân chứ? Kinh Thi nói: “Cái chết của những người tài đức, sẽ khiến cho đất nước bị tổn thất và trở nên nghèo khổ”. Điều muốn nói đến ở đây chính là đất nước không còn có những người tài đức nữa. Vậy tại sao vẫn muốn cướp đoạt đi các hiền nhân chứ? Thời cổ đại, những người ở ngôi vương, biết rằng tuổi thọ của bản thân không thể kéo dài mãi mãi, do đó tuyển chọn nhân tài ở khắp nơi, bổ nhiệm những người có đức hạnh tài năng, hình thành cho họ nếp sống và giáo dục cảm hóa họ, phân cho họ phục trang tiêu biểu nhằm phân biệt địa vị cao thấp, đem những lời nói có ích của họ ghi chép vào trong sách Điển (thư tịch quan trọng ghi lại những điển chương, quy chế...) để dạy dỗ và răn đe, chế định chế độ pháp luật cho họ, công bố tới họ các loại chuẩn tắc khác nhau, dựa trên phép tắc để chỉ dẫn cho họ, đưa ra các huấn thị để họ sử dụng, thông báo với họ các quy chế pháp lệnh mà tiên vương truyền lại, giáo dục họ phải phòng ngừa mưu cầu lợi ích riêng, ủy nhiệm họ vào những chức vụ nhất định, dùng lễ pháp để giáo dục chỉ bảo họ, dạy họ đừng đi ngược lại với các nguyên tắc ở các ở khác nơi khác nhau (vận dụng sao cho phù hợp với từng nơi), khiến bách quan đều tin cậy ở họ. Cách làm như thế kéo dài cho đến lúc

chết đi, thánh nhân và tiên vương đều làm như vậy. Bây giờ dầu rằng (Tần Mục công) không có chế độ pháp lệnh lưu lại cho hậu thế cũng thôi đi, ngược lại còn dùng những người tài đức trong nhân dân để mai táng theo, như vậy khó mà giữ vững được vị trí dẫn đầu”. Các bậc quân tử vì thế mà biết được nước Tần không còn có thể chinh phạt phía Đông được nữa.

Chuẩn bị sẵn sàng cho những sự việc bất ngờ, đây là bài học hay từ thời cổ đại.

Mang đến lợi ích cho người khác hay oán giận người khác, đều không liên quan đến cháu sau này của người đó, đây là đạo của lòng trung thành và sự tha thứ.

Tháng nhuận không tiến hành nghi thức Cáo Sóc (thời cổ đại, cứ đến mùa đông hằng năm, thiên tử sẽ ban lịch thư và chính lệnh năm sau cho các chư hầu, các chư hầu bái nhận và cất trong tổ miếu, ngày mùng một mỗi tháng lấy một con cừu sống cúng tế trong miếu, sau đó nghe báo cáo và quyết định sự việc), như vậy là không phù hợp với lễ nghĩa. Mở ra tháng nhuận là dùng để bổ sung và sửa lại cho chính xác những sai số trên lịch pháp; xác định tiết khí bốn mùa, để theo đó mà sắp xếp công việc đồng áng; không để lỡ thời vụ nông nghiệp để tổ chức lao động, là để cho nhân dân no cơm ấm áo, cách để nuôi sống nhân dân cũng chỉ có như vậy thôi. Vào tháng nhuận không tiến hành nghi thức Cáo Sóc, chính là đã vứt bỏ đi một mùa thi hành các biện pháp chính trị, thì làm sao có thể cai quản nhân dân được chứ?

Đại phu Khích Khuyết của nước Tấn nói với Triệu Tuyên Tử rằng: “Nước Vệ trước đây không thuận theo nước Tấn, cho nên nước Tấn chiếm lấy đất đai của họ; bây giờ đã quy phục rồi, cho nên mới đem đất đai trả lại cho họ. Khi bị phản bội không có trận thảo phạt, thì lấy cái gì để biểu thị thanh thế và thế lực chứ? Sau khi đã họ phục tùng lại không an ủi vỗ

về, thì lấy gì để biểu thị sự quan tâm lo lắng chứ? Không tỏ rõ thanh thế và thế lực, không chứng tỏ sự an ủi vỗ về, thì dùng cái gì để biểu thị đức hạnh chứ? Không có đức hạnh, làm sao chủ trì cuộc họp đồng minh chứ? Ngài thân là thượng khanh, (đại diện cho nước Tấn) chủ trì công việc liên kết đồng minh, nếu như không dốc lòng vào đức hạnh, sau này biết phải làm như thế nào đây? Hạ Thư nói: “Thông báo những chuyện vui cho nó, dùng uy nghiêm mà đôn đốc nó, dùng Cửu Ca khuyến khích động viên nó, đừng để nó học những hành động và tính xấu của người khác”. Những đức hạnh liên quan đến “cửu công” đều có thể ca tụng, được gọi là Cửu Ca. “Lục phủ” và “tam sự”, được gọi là cửu công. Nước, lửa, kim loại, cây cối, đất đai, ngũ cốc, gọi “lục phủ”; đức hạnh đoan chính, sử dụng có ích và làm giàu cuộc sống của nhân dân, gọi là “tam sự”. Phát triển rộng “cửu công” phù hợp với đạo đức và chính nghĩa, gọi là đức hạnh và lễ nghi. Không có lễ nghi, thì sẽ không có gì đáng để ca tụng, cũng sẽ không hạnh phúc, đây chính là ngọn nguồn của sự tạo phản. Như đức hạnh của ngài, chẳng có gì đáng để khen ngợi cả, thì có ai dám quay về quy phục chứ? Sao lại không để những người đã quy phục ca tụng ngài?” Triệu Tuyên Tử sau khi nghe xong trong lòng rất phấn khởi.

Vào mùa đông, Đại phu nước Sở là Tử Việt Tiêu đến thăm viếng nước Lỗ, trong tay cầm một món quà, lộ ra vẻ ngạo mạn. Thúc Trọng Huệ Bác nói: “Người này thế nào cũng sẽ khiến cho dòng họ Nhược Ngao thị bị diệt vong. Tỏ vẻ ngạo mạn với tiên vương của mình, thần linh sẽ không giáng phúc cho ông ấy”.

Lúc trước, phù thủy Duật Tự ở ấp Phạm nước Sở đã tiên đoán về Sở Thành vương và Tử Ngọc, Tử Tây, nói: “Ba vị này đều sẽ vì tai nạn mà chết”. Trong trận chiến Thành Bộc lần đó, Sở Thành vương nhớ lại câu nói này, cho nên sai người đi lên trước ngăn chặn Tử Ngọc, nói: “Đừng tự sát”. Nhưng không đến

kip. Lại sai người đi ngăn chặn Tử Tây, Tử Tây đang treo cổ thì dây thừng bị đứt, sứ giả của Sở vương đến vừa kịp lúc, liền ngăn chặn Tử Tây tự tử, cho Tử Tây làm Thương công. Sau này Tử Tây men theo dòng chảy của sông Hán mà đi xuống, đến Trường Giang lại ngược theo dòng chảy mà đi xuống, sắp bước vào Sính đô (đô thành của nước Sở). Chu Thành vương đang ở cung Chử, bước xuống tiếp kiến ông ấy, Tử Tây nhìn thấy Thành vương thì rất sợ hãi, liền giải thích nói: “Hạ thần may mắn thoát được cái chết, nhưng lại có người nói buông lời gièm pha, vu cáo hãm hại, nói thần sẽ bỏ trốn, thần bây giờ quay về thỉnh cầu được chết ở chỗ tư khấu (chức quan)”. Thành vương liền cho ông ấy làm công doãn (chức quan). Sau này Tử Tây cùng với Tử Gia lên kế hoạch, muốn giết chết Sở Mục vương. Mục vương sau khi nghe được, trong tháng năm đã giết chết cả Tử Tây và Tử Gia.

Làm việc theo chức trách của mình, có gì là chuyên chế chứ? Kinh Thi nói: “Đừng nhổ ra những cái cứng cũng đừng nuốt vào những cái mềm”, lại nói: “Đừng phóng túng với những người gian xảo dối trá, để trói buộc những hành vi phóng dăng”. Đây cũng là ý nghĩa của việc đương đầu với chuyên chế. Tôi làm sao dám yêu quý mạng sống mà vứt bỏ đi nghĩa vụ của mình chứ!”

Chu (Trâu) Văn công vì việc dời đô đến vùng đất Dịch mà xem quẻ hỏi lành dữ. Sử quan nói: “Việc này có lợi cho bá tánh nhưng lại không lợi cho ngài”. Chu Văn công nói: “Nếu như có lợi cho bá tánh thì cũng là có lợi cho ta. Trời sinh ra bá tánh và thiết lập nên quân vương cho bá tánh, chính là dùng để tạo nên lợi ích cho họ. Bá tánh đã nhận được lợi ích thì ta chắc chắn cũng sẽ nhận được lợi ích giống như bá tánh”. Tùy tùng đi theo nói: “Sinh mệnh có thể kéo dài, quân vương ngài tại sao không làm như vậy?” Chu văn công nói: “Ta sống chính là để nuôi dưỡng bá tánh, còn chết sớm hay muộn, đó là thời vận; nếu như

bá tánh có thể hưởng lợi, vậy thì cứ dời đô thôi, không có chuyện gì thuận lợi hơn lợi ích của bá tánh cả”. Ngay sau đó liền dời đô đến vùng đất Dịch. Tháng 5, Chu Văn công chết. Các bậc quân tử nói: “Chu Văn công đích thực là hiểu về thiên mệnh”.

Giữa anh em với nhau mỗi người tự bày tỏ thiện chí tốt đẹp của mình, cứu tế khi đối phương gặp khó khăn, chúc mừng khi đối phương có chuyện đáng mừng, thăm hỏi khi đối phương gặp họa hoạn, kính cẩn trước quy tắc cúng tế của đối phương, gặp khi đối phương có tang sự thì chia buồn. Mặc dù tình cảm của 5 việc này không có việc nào giống việc nào, nhưng đừng cắt đi tình cảm anh em thân thiết giữa chúng với nhau, lại là điều giống nhau. Đây chính là cách đối xử đối với những người thân yêu của mình.

Xảy ra nhật thực, thiên tử giảm cách ăn uống thịnh soạn, bỏ đi các thú vui và âm nhạc, ở trong miếu thổ địa đánh trống; các chư hầu chỉ có thể dùng ngọc và tơ lụa cúng tế ở trong miếu thổ địa, đánh trống ở trên triều đình. Lấy đó để chứng tỏ sự hầu hạ đối với thần linh, giáo huấn nhân dân, phụng dưỡng quân vương, tỏ rõ là vì thiên tử, các chư hầu địa vị cao thấp khác nhau, uy nghi cũng có sự khác biệt, đây là chế độ thời cổ đại.

Lễ nghi là dùng để phục tùng trời, đây chính là đạo lý đúng đắn của trời. Bản thân mình vi phạm đạo lý của trời, ngược lại còn vì vậy mà đi thảo phạt người khác, như vậy khó mà có thể tránh được họa nạn. Trong Kinh Thi nói: “Con người vì sao không kính sợ lẫn nhau? Đó là vì không kính sợ ông trời”. Các bậc quân tử sợ dĩ không tàn hại trẻ nhỏ và những người hèn mọn, là vì sợ hãi trời. Trong Chu Tụng nói: “Kính sợ uy linh của trời, từ đó có thể sở hữu được phúc lộc”. Nếu như không kính sợ trời, làm sao có thể có được phúc lộc chứ? Tề Ý công dựa vào việc làm loạn để giành được đất nước, nếu như làm theo lễ nghĩa để duy trì ngôi vị quân vương, còn sợ rằng không có được một kết thúc tốt đẹp, bây giờ đã làm ra biết bao

nhiều việc không phù hợp với lễ nghĩa, như vậy sẽ chẳng có một cái kết tốt đẹp nào xảy ra cả.

Công Tử Bào của nước Tống dùng lễ nghĩa mà đối đãi với nhân dân trong nước. Nước Tống xảy ra mất mùa, ông ấy lấy toàn bộ lương thực ra ban phát cho nhân dân. Đối với những người già ở độ tuổi 70 tuổi trở lên, không có ai là không được ban tặng đồ ăn thức uống, còn đúng hạn ra lệnh tặng thêm những thực phẩm quý giá. Không có ngày nào là không ra vào nơi của lục khanh (bao gồm thái tử, thái tông, thái sử, thái chúc, thái sỹ và thái bộc). Đối với những người có tài năng ở trong nước, không có ai là không được phụng dưỡng; đối với họ hàng thân thuộc từ con cháu của Hoàn công trở xuống, không có ai là không được chăm sóc giúp đỡ.

Cổ nhân có câu nói rằng: “Sợ đầu sợ đuôi, như trên cơ thể còn lại còn bao nhiêu phần là không sợ nữa chứ?” Lại nói thêm: “Con nai trước khi sắp chết, không thể chọn lựa cho mình một nơi an toàn để trú ẩn”. Nước nhỏ phụng dưỡng nước lớn, nếu như nước lớn lấy đức mà đối đãi, nước nhỏ sẽ dùng nhân đạo mà phụng dưỡng trở lại; nếu như nước lớn không dùng đức hạnh để đối đãi, vậy nước nhỏ sẽ giống như con nai trước lúc chết vậy, chỉ có thể liều mạng lao điên cuồng, lúc cấp bách, làm gì còn có thể lựa chọn nơi an toàn chứ? Mệnh lệnh của quý quốc không hề có chuẩn tắc, chúng tôi cũng biết là sẽ đối mặt với diệt vong rồi.

Gặp phải người có lễ nghĩa với quân vương, thì phụng dưỡng người ấy, kính cẩn giống như là hiếu tử phụng dưỡng cha mẹ mình vậy.

Trong Chu Lễ nói: “Dùng lễ pháp để quan sát đức hạnh của con người, có đức hạnh mới có thể xử lý mọi việc, dựa theo hiệu quả làm việc mà đánh giá công trạng, lập được công trạng thì có thể dựa vào đó để nhận lương thực cho nhân dân”. Lại sách Thệ

Dân nói: “Hủy bỏ lễ pháp chính là hèn hạ, che giấu những người hèn hạ chính là đồng lõa, ăn cắp tiền tài vật chất là cường đạo, lấy cắp đồ vật quý giá của người khác chính là gian tế. Mang tiếng là kẻ đồng lõa, tận dụng những đồ vật quý giá mà những kẻ gian trá trộm được, chính là hành động rất đáng kinh tởm, trong quy định của đất nước sẽ có những hình phạt tương ứng, không được miễn xá. Có thể dựa vào mức độ nặng nhẹ của các tình tiết mà dùng một trong chính luật hình (cửu hình) trừng phạt một cách thỏa đáng, như vậy cũng xem như không vượt quá các quy định về pháp luật.

Hiếu thuận và tôn kính, trung thành và có chữ tín là bốn đức tính tốt lành; cường đạo và trộm cắp, đồng lõa và gian trá là 4 hành vi hung ác chẳng lành.

Trước đây trong Cao Dương thị, những người tài đức vẹn toàn có 8 vị là: Thương Thư, Đồi Ngai, Đào Diễn, Đại Lâm, Ônng Giáng, Đình Kiên, Trọng Dung, Thúc Đạt. Những người họ cư xử công bằng chính trực, hiểu rõ thế sự, khoan dung độ lượng, suy nghĩ sâu sắc, sáng suốt thấu hiểu, giữ chữ tín không phản bội, nghiêm ngặt hiền lành, trung thành đứng đắn, bá tánh trong thiên hạ gọi họ là “bát khai”. Những người tài đức vẹn toàn trong Cao Tân thị có 8 vị là: Bác Phấn, Trọng Kham, Thúc Hiến, Quý Trọng, Bác Hồ, Trọng Hùng, Thúc Báo, Quý Li. Những người này trung thành không vụ lợi, kính cẩn làm việc, chăm chỉ sửa mình, đoan chính ngay thẳng, suy xét chu đáo tỉ mỉ, đối đãi với người khác ân cần, nhân từ cứu đời, khoan dung không tranh giành, bá tánh trong thiên hạ gọi họ là “bát nguyên”. Thị tộc của 16 người này, từ đời này sang đời khác kế thừa phẩm chất đạo đức tốt đẹp của họ, không làm mất đi thanh danh của đời trước, đời nào cũng có người tài đức, mãi cho đến thời đại của vua Nghiêu. Nhưng vua Nghiêu không có khả năng tuyển chọn và bổ nhiệm họ. Sau khi vua Thuấn làm hạ thần của vua Nghiêu, tuyển chọn bát khai, để cho họ đảm

đương chức quan quản lý đất đai, xử lý mọi việc, chẳng có việc nào mà không trôi chảy thuận lợi, hòa bình trên mặt đất, trời mưa thuận gió hòa, vạn vật được nuôi dưỡng trưởng thành; lại cất nhắc bát nguyên, để cho họ dạy dỗ truyền bá rộng rãi “ngũ thường” đến khắp nơi trên toàn quốc, phụ thân có đạo nghĩa, mẫu thân yêu thương, anh cả yêu thương thân thiết, em trai kính cẩn, con cái hiếu thảo, đất nước trong ngoài đều ổn định, mưa thuận gió hòa, bình yên vô sự.

Lúc trước Đê Đồng thị có một người một người con trai không ra gì, che lấp đi nhân nghĩa, bao che cho gian tặc, thích làm những việc xấu và hành động độc ác, lôi kéo những người xấu xa thành đồng bọn; lôi kéo những người ngu muội và gian xảo dối trá cùng với những người bất hòa với anh em mình, cấu kết cùng với hấn ta, bá tánh trong thiên hạ gọi hấn ta là “hỗn độn”. Thiếu Hạo thị có một người con trai không ra gì, hủy hoại tín nghĩa, vứt bỏ đi lòng trung thành, nói lời ngon ngọt, quen nghe những lời gièm pha, tin dùng những kẻ gian tà, đặt chuyện hại người, che giấu tội ác, vu cáo hãm hại những người có đức tính cao thượng, bá tánh trong thiên hạ gọi hấn ta là “kẻ gian xảo”. Gia tộc Chuyên Húc thị có một người con trai không ra gì, không có cách nào để dạy dỗ, không tiếp thu những lời nói hữu ích. Khi được dạy bảo, thì hấn ta ngu muội ngoan cố mà không chịu lắng nghe; khi bỏ mặc hấn ta, hấn ta lại mặc ý làm điều gian ác. Xem thường những phẩm chất đạo đức tốt đẹp, không nghe theo sự dạy bảo, đảo loạn luân thường đạo đức, bách tính trong thiên hạ gọi hấn ta là “kẻ hung ác”. Gia tộc của ba người này, mấy đời kế tự những hành vi xấu xa độc ác đi ngược lại với đạo đức lễ nghĩa của bọn họ, làm cho tiếng xấu của họ càng trầm trọng hơn, mãi cho đến thời vua Nghiêu, nhưng vua Nghiêu không có khả năng loại trừ bọn chúng. Gia tộc Tấn Vân thị có một người con trai không ra gì, tham ăn tục uống, tham lam tiền tài vật chất, buông thả xa xỉ, không biết thỏa mãn; tích góp của cải, dự trữ lương thực,

lòng tham không đầy không phân chia cho cô nhi quả phụ, không giúp đỡ cứu tế người nghèo, bá tánh trong thiên hạ đặt hấn ngang hàng với “tam hung” (bao gồm Lí Tri Hiếu, Lương Thành Đại và Mạc Trạch), gọi hấn ta là “kẻ tham lam”. Sau khi vua Thuấn làm hạ thần cho vua Nghiêu, liền mở rộng cổng thành 4 phía, dùng “tân lễ” (lễ tiết đón tiếp khách khứa) mà tiếp đãi những người tài đức, lưu đầy 4 thị tộc hung ác; đem 4 tên “hỗn độn”, “gian xảo” “hung ác” “tham lam” đuổi đến những nơi xa xôi khắp chốn, để chúng đi chống lại những quái vật quỷ quái. Vì vậy sau khi vua Nghiêu qua đời, bá tánh trong thiên hạ thống nhất một lòng, đồng tâm ủng hộ vua Thuấn lên làm thiên tử, nguyên do là bởi vì ông ấy đã tiến cử 16 vị tướng và loại bỏ đi “tứ hung” (4 kẻ độc ác). Cho nên trong Ngu Thư nêu lên từng công lao và thành tích của vua Thuấn, nói: “Thiết thực thi hành ngũ giáo một cách thận trọng, để mọi người ai cũng có thể tuân theo giáo hóa của ngũ giáo”. Đây chính là nói không đi ngược lại với giáo huấn của ngũ thường. Lại nói: “đưa ngũ thường vào trong mọi việc, mọi việc đều sẽ vững chắc và có trật tự”. Đây là nói đến không sao nhãng mọi việc. Lại nói: “Ở trước cổng thành 4 phía dùng “tân lễ” mà tiếp đãi những người tài đức, các quần thần khắp nơi đến triều đều kính cẩn trang nghiêm”. Đây chính là đề cập đến việc không có những kẻ hung ác gần bướng. Vua Thuấn đã lập nên 12 công lao to lớn mới trở thành thiên tử, bây giờ Hành Phù dù không thể cất nhắc được một người tốt, nhưng đã đuổi đi một kẻ hung ác gần bướng (Cử Phốc). Nếu so sánh với công lao và thành tích của vua Thuấn, thì đã là 1 phần 12 của vua Thuấn rồi, đại khái có lẽ là có thể xóa bỏ lỗi lầm cho ông ấy được rồi.

(HẾT TẬP 2)